

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

# DI ĐÀ DIỆU PHÁP

Chương Giáo  
BÙI TRÍ DŨNG  
(Tài Liệu Học Tập)

In Lại Theo Ấn Bản 1998

CHIẾU MINH GIÁO TÒA

Đánh máy lại: **Đạo sư Ngọc Tuyên**  
Trình bày: **Hồng Lan & Tấn Hưng**  
Xếp chữ: **H&L TypeSetter**  
Đóng tập: **H&L eBooker**  
Làm tại: **Chicago - U.S.A.**

**DI ĐÀ DIỆU PHÁP**  
Chương Giáo  
**BÙI TRÍ DŨNG**  
(Tài Liệu Học Tập)

Copyright © 2008 — **Chiếu Minh Giáo Tòa**

**CHIẾU MINH GIÁO TÒA**  
Quận **BÌNH MINH** - Tỉnh **VĨNH LONG**

## LỜI TỰA

Với đương lối chú trọng về giáo dục con người để sống thuận hợp trên thế gian, các tôn giáo viết kinh sách giúp cho họ học hiểu, những chủ thuyết, tư tưởng để rồi thực hiện trau sửa. Qua nhiều đời lưu truyền khiến nhân sinh chóa mắt trước thiên kinh vạn quyển họ lạc vào rừng kinh sách và hoang mang không biết đâu là chánh là tà, nhất là họ chẳng có đước sáng để nhận chân, biết thật, nên họ bị lưới vạn thù úp chụp, khó trở về bản nguyên, càng đi ra càng xa cội ly nguồn.

Từ nhứt bốn ứng vạn thù.

Nếu sinh nhân giác ngộ không muốn quần quanh trong vòng vạn hữu, trở về nguồn cội, chỗ đơn nhất tối sơ, điểm Một rất ráo là đỉnh cao tột tâm linh, họ phải hồi đầu hướng thượng, hiệp giác bội trần, nương Hữu tìm Vô.

Từ vạn thù qui nhứt bốn.

Con đường trở về Một đó thật trọng đại vô cùng, một cuộc trường kỳ kháng chiến không mệt mỏi để thắng giặc vô minh ở nơi lòng. Nhờ phương tiện thân xác và linh hồn khả dĩ giúp họ về nguồn cội với kim chỉ nam định hướng đúng đắn. Tâm lực mạnh mẽ, trí lực dồi dào họ còn lo chi không qui hồi được.

Điều quan trọng nhân sinh phải rõ là cần phải có trí tuệ và đạt đến cái thấy biết rất ráo.

Với nhân giới của Thiên Chúa, thấy biết của

Như Lai soi thông cả thấy như nhật diện chói chang.

Còn nhân giới của thế tục, tri kiến của chúng sanh như những vì sao trùng trùng điệp điệp trên bầu trời, chỉ là đốm sáng lập lờ.

Do đó thấy biết làm Một là Trí, thấy biết làm nhiều là Ngu.

Chính vì muốn tỏ rõ chỗ đạo lý duy nhất không phân biệt, chẳng còn ta người, hữu vô.

Phật Chúa là một.

Đông Tây là một.

Âm Dương là một.

Chân Lý là một.

Chỗ một đó mới thể hiện cái đạo của Trời.

Như Thích Ca được sinh ra ở phương Đông vào mùa hè nóng bức trong cung điện vàng son, chăn ấm nệm êm, cao sang tột độ, giai cấp thượng lưu Vua Chúa, Ngài cho mình là Như Lai. Giêsu được sinh ra ở phương Tây, vào mùa Đông rét mướt nơi hang đá, nằm trên máng cỏ, nghèo khổ cùng đinh, giai cấp hạ lưu du mục, Ngài gọi mình là kẻ Trộm.

Ta thấy ở chỗ lưỡng biên tương đối: Đông Tây, nóng lạnh, sang hèn, thượng hạ, Như Lai và kẻ Trộm thật không phải là hai, chỉ cần cái gạch nối liền thành cái vòng pháp luân hằng xoay vận chuyển, không trước, không sau, không cao không thấp, không đến mà đến, đến cũng như không đến, thể hiện Trung Đạo thuần chơn tâm pháp ưu việt,

Tam Tạng Kinh:

- Di Đà Diệu Pháp.

- Lạy Cha Kinh Báu.

- Phương Pháp Bồi Dưỡng Sức Khoẻ và Tinh

Thần.

Chỉ là một mà thôi.

Tuy ba mà một, tuy một mà ba.

Kinh pháp giúp cho nhân sinh giác ngộ tìm về nguồn cội vừa tri vừa hành theo vô vi lý nhiệm họ tận tâm thực hành, quyết chí luyện trau, trước sau gì cũng có kết quả đúng như yêu cầu, y như sở nguyện của mình.

Một dòng Đông, một dòng Tây liên kết.

Nhân sinh quả là diễm phúc.

## CHƯƠNG I

### LỜI KINH DẪN NHẬP

Con người là một bảo vật vô giá được tạo hóa ban cho cũng là "vườn nho" của Chúa, "vườn đào" của Tiên, "vạn bửu nang" của Phật.

- Cái vũ trụ thu hẹp này chứa đựng đầy đủ cũng giống như "đại vũ trụ" thế gian bên ngoài. Gồm cả hữu vô "trong một vóc" - "xác" và "hồn" nương nhau để sinh hoạt và tiến hóa. Bảo vật này thuộc quyền sử dụng của riêng từng người để tự họ giải quyết lấy trong cuộc đầu tư lớn nhất của đời người

- Nếu "giác ngộ" họ tạo đủ điều kiện để "giải khổ thoát trần".

- Bằng "mê ngộ" ắt họ phải bị đọa lạc chốn mê tân.

Thượng đế cho con người tự do từ tư tưởng đến hành động, rồi nhân đó lãnh lấy kết quả thành công hay thất bại.

Chính vì vậy mỗi người phải định rõ mục đích cho cuộc đời của mình, để rồi đến khi lâm chung trút hơi thở cuối cùng họ khỏi phải ân hận hoặc hối tiếc chi cả.

Người ta được sinh ra và lớn lên theo thời gian, trưởng thành cả thể xác lẫn tinh thần, dần dần đến ngày chết-Một đời người diễn ra trên cõi trần hoàn này, ngắn, dài, mau, lâu, không một ai định trước hoặc ước đoán được. Bởi vì hơi thở ra không hện thở vào, ở thời điểm nào cũng có thể đứt hơi là

mạng, xác rã hồn tan đâu có lâu bền vững chắc. Thường người ta quan niệm một chu kỳ 60 năm cho một đời người:

- Từ 1 tuổi đến 20 tuổi: thời kỳ phát triển, trưởng thành-thượng ngươn.

- Từ 20 tuổi đến 40 tuổi: thể chất đầy đủ, trụ, trung ngươn.

- Từ 40 tuổi đến 60 tuổi: Xuống dốc, "tinh khí thần" kiệt quệ - hoại, hạ ngươn.

Rồi một ngày nào đó hết thở, "long hoa tận thế" đến với mình để hoàn không, theo lẽ "thành, trụ, hoại, không", xong một kiếp người trên cõi đời này. Cái vòng lẩn quẩn ấy không một ai tránh khỏi cả!

Vì thế khi còn thở là còn sự sống, ta phải biết vận dụng cái gì mình đang có, vốn liếng lãnh của "đất trời", cố lo cho đời sống chân thật. nương vào đó để làm phương tiện tu-tiến giúp ta giải khổ thoát trần ngay trong kiếp vi-nhân này.

"Tu nhất kiếp, ngộ nhất thời."

Hễ nhân sinh sống theo phàm, nương theo trần cảnh phải chịu ảnh hưởng của nhân dục, thất tình buộc ràng, lục dục vấn vương, triền phược bủa vây. Là "khổn tiên thàng" cột trói ông Tiên, vị Phật của mình. Họ để vật chất phủ lấp tâm linh, con thú làm chủ mình, quý ma che khuất Phật. Họ sống trong vô minh ngục tù u tối, cũng vì muội mê đi theo "con đường đau khổ".

Người giác ngộ lại khác, hiệp giác bội trần, hòi đầu hướng thượng, nhờ hiểu được lẽ sống chết của tinh thần, xuống dốc của chơn thân, trước muội mê, sau giác ngộ. Tự mình tìm phương cách cứu chữa,

hướng theo "con đường giải thoát" nên họ kịp thời chặn đứng hành động tự sát bất giác vô minh ấy.

Họ không phung phí tiêu xài, hủy hoại gia sản của mình nữa, nhưng lại cố lo giữ gìn, bảo vệ báu vật và biết sử dụng chúng nó vào mục đích tô bồi chân thân, phục hoàn thành thể làm cho khang kiện đủ đầy, từ mê đến giác, phàm nên Thánh, chúng sanh thành Phật.

Việc làm này là "tu thân chơn chính".

Chữ "tu" tuy chỉ có một song có nhiều cách quan niệm khác nhau, bởi vì nhân sinh có nhiều duyên, tùy theo trình độ tiến hóa, nên tự họ lựa chọn lấy đường lối để tu thân. Chính hành động phô lộ ra ta có thể đo lường căn tánh của họ, tức cường độ của sức giác ngộ, sự sáng ở vào chừng mức nào!

Nếu họ thích trống kèn, nhạc lễ, phù hợp với sắc tướng âm thanh, họ theo nhạc trống rình rang, lễ nghi trang trọng của các tôn giáo để chiêu dụ họ; có kẻ lại thích phú thi kinh kệ, họ nương vào thi vịnh ngâm nga ê a hòa theo đó.

Còn người nào muốn tìm hiểu triết lý nhiệm màu, cao sâu Pháp đạo dẫn vào con đường giải thoát, họ tự lặn lẽ cách xa chỗ phồn hoa ca hát trống kèn nhạc lễ, để tìm ra chơn lý, thấy được chỗ mật nhiệm ẩn vi nhờ tri nên hiểu, rồi họ cố lo tu. Đây là hạng người chơn tu, nên việc hành trau của họ rất chín chắn, suốt đời không thay đổi, bởi vì họ hiểu biết thật sự mới bước vào đường tu. "Tri hành" đúng lẽ khác hẳn với những người tu mê hành muội hay bị đời hắt hủi, xua đuổi thất vọng nặng nề, nên mới tìm về nẻo đạo. Họ coi việc tu hành như chiếu bóng, gối dựa,

nương tựa một thời gian cho đến khi nào thuận cảnh, họ lại theo đời ra thế nữa.

Vì vậy nhân sinh ở "vạn duyên hành theo vạn pháp" nên họ bị lạc lỏng chơi vơi nơi rừng u minh đầy chúng sanh tánh. Trong khi đó, trước mặt có trăm đường vạn lối chằng chịt khiến họ chóa mắt phân vân, không biết được nẻo tà đường chánh để tu hành giải thoát. Độc hại hơn nữa lại có các "minh sư triết giáo", "đạo sĩ bàng môn" tự xưng Phật Tiên xuất thế, khoe khoang nào tài hay, phép lạ, màu nhiệm linh thiêng, rủ ren chỉ biểu dẫn dụ họ vào ngõ dị đoan mê tín. Chính đây là trường hợp vấp phải của hạng người tìm đạo ngoài lòng, ham thích huyền diệu, nên họ bị sụp hố sa hầm, rớt nhằm bàng môn rơi nơi tả đạo.

Họ nương theo hữu tướng, hướng theo hữu vi, chấp sự bỏ lý, bám vào lớp vỏ cho đó là thật. Họ ôm ấp cái hữu tướng bên ngoài, lại bỏ mất cái đạo tánh bên trong, "Lục tổ Huệ Năng" đã hằng chỉ rõ "Tìm đạo ngoài lòng" khác nào như cầu "lông rùa sừng thỏ" không bao giờ có!

Họ ứng dụng theo Phàm làm mất Thánh, đua đòi theo pháp tướng của thế gian ở vạn thù sai biệt. Lại mất đi pháp tánh "nguyên bản hằng thường" nên chẳng tri tường "duy nhất pháp".

Chính các "văn sĩ giả hình", "biện sĩ du phương" cố phô trương giáo lý, dụng tướng thuyết mê hoặc để thu hút thêm nhiều đệ tử đi vào ngõ ngoại đạo giáo tôn, rồi khép khuôn họ trong giáo điều, giáo luật, theo ức đoán này, bởi định kiến kia, do tư tưởng nọ, khiến cho sự thấy, biết của họ trở nên hạn hẹp, sai lạc khác nào họ quan sát không gian qua

một khe hở, chỉ thấy một khía cạnh, một cục diện của vấn đề, chẳng rõ được toàn chu nguyên thể. Vì thế họ không biết đạo tức là cái "vô cùng vô tận." Họ cố tìm kiếm trên không gian một bóng mờ viễn tượng, tất cả việc làm đó là ảo tưởng hoài mong, không bao giờ có thật: Họ tìm Phật, nhưng lại mất Phật, xa lìa Ngài, lại cận kề với ma quỷ.

Họ hành đạo theo đời là còn đời, xa hẳn cõi trời, găng liền với đất, bị vật chất dày lấp tâm linh không còn sáng suốt, trở thành kẻ mù đui, câm điếc, mang lấy nan y bệnh tật, cần phải nhờ đến diệu dược của "y vương Phật" để giải trừ, còn ngoài ra vô phương cứu chữa.

Con đường họ đi khác nào vào hang sâu tăm tối, ngõ cụt, đường cùng, không một lối thoát, chính là "Tử lộ". Cái chết đang chờ đón, khiến họ hoang mang tuyệt vọng, không còn tin tưởng vào khả năng sẵn có nơi mình, chỉ mong chờ ngoại lực tha nhân đến cứu độ. Họ cầu nguyện nơi hình cây, tượng đá, van xin ơn trên cảm thương đoái tưởng đến số phận hẩm hiu của họ rồi ban cho phước lành đúng theo điều mong ước. Họ tin tưởng tuyệt đối vào sự cầu nguyện, cùng tập hợp với nhau, đem hết tinh thần, dụng toàn ý chí, cố gây nên một nguyện lực mạnh mẽ, thấu tận hư không, đến "Đấng vô hình" thương tình chứng minh cho lời nguyện.

Ngoài ra họ lại dùng "Pháp tụng", "Pháp niệm", đọc kinh vang rền, ệa... trầm bổng rất êm tai, lải nhải như trẻ nít học bài, cốt sao mau thâu thập nhiều kinh điển. Họ lấy làm tự hào với số vốn "đạo lời" ấy, cho rằng mình lâu thông sách kinh hiền

truyện. Hơn nữa với phương pháp này họ coi là chánh chơn, chủ yếu cho việc tu thân, nên việc trì kinh tụng niệm được họ thực thi một cách triệt để. Họ mượn lời kinh tiếng kệ để chế ngự cái tâm, gò bó cái trí, không cho nó phát huy, có như thế để sai khiến điều khiển, nhưng thực ra trái với lòng mong vọng ấy vì tâm phan duyên leo chuyễn tứ tung, thần thông vô kể, họ không thể kèm giữ được.

Họ còn làm tướng tụng nhiều, niệm nhiều sẽ được ơn trên chứng giám, gia ban phước đức và hữu công với đạo.

Ngoài ra họ còn tôn sùng kinh sách như "phép màu" có thể giải tội, cải hối lòng phạm, tiêu trừ tánh tục, giúp đỡ người sống, siêu độ kẻ chết. Bởi vì hiểu như thế nên họ cố động hô hào thuê bao nhiều người khác tụng niệm để hỗ trợ cho thân nhân tai qua nạn khỏi, nhưng chắc chắn chẳng có hiệu quả chi cả!

Họ tụng niệm theo lòng phạm, nguyện cầu theo tánh tục, đúc tượng xây đền, lo lót ơn trên chứng minh cho lòng thành, khẩn nguyện với đầy đủ tế phẩm: hương đăng, hoa quả; có khi mù quáng đến nỗi họ hiến cả xác thân cúng dường cho Tam bảo. Nhất là thích quỳ lạy bên những vị mà họ tôn sùng coi như "hoạt Tiên, Phật sống" cố mong cầu phước đức ban bố ơn lành, xóa tan tội lỗi, cải hối lòng phạm thành ra tinh anh thánh thiện. Họ tưởng sai nên hành trật, dù ngay cả "Phật Tiên" hiện ra trước mắt cũng không giải khổ cứu độ cho ta được đâu, bởi vì chính ta là người đã gây ra não phiền điên đảo nên chỉ có ta là vị cứu tinh với đầy đủ khả năng ban vui cứu khổ cho ta đấy thôi!

Họ muốn về trời hưởng "Niết bàn cực lạc" trong cõi vô hình, nhưng lại bám đất lia trời theo đời làm người trần tục, nên mất tất cả, suốt đời họ mang tiếng "tu hành" nhưng chẳng đem lại một thành quả nào cho việc "tu thân chân chính", nhất là kinh sách của các vị Giáo chủ lưu truyền cho hậu thế, nhân sinh lại chấp lời theo sự, tưởng rằng đời sống ấy có thật xảy ra nơi cõi trần hoàn này, nên họ cố học tụng lời, hành tụng sự, in khuôn đúng rập, giống hệt như Giáo chủ của mình. Họ mong đem cái gian trá giả dối để hòa đồng với mẫu mực tinh anh, nhưng điều hy vọng đó bất thành. Bởi vì các Ngài dùng thân ngữ diễn tả đời sống tinh thần thuộc tâm linh nội giới trong vô vi mật nhiệm, khác hẳn với đời sống phạm phu "giả và tạm". Hơn nữa không gian và thời gian khác biệt nên họ không thể nào sống giống như thế được, hữu thể thể trần có hạn, có lượng. Còn đối với đạo pháp vô vi vô cùng vô tận, lúc nào cũng chân và thật "vạn cổ bất dịch", họ làm lạc sai thất, tự làm mất đạo vì lòng mê tánh muội, họ cứ miệt mài theo sự "cầu nguyện giả hình", từ tốp mê tín này rủ ren tốp mê tín khác dần vào ngõ u tối. Họ dụng trống kèn nhạc lễ, sắc tướng âm thanh mong cầu thấy Như Lai, Cao Đài, nhan Chúa, do đó họ không bao giờ nhìn thấy, bởi nhãn giới của thế tục, thấy biết của chúng sanh bị màn vô minh che kín, có mắt cũng như không, có tai như chẳng có, nên không thể nào thấu rõ lý đạo ẩn tàng trong ngôn thuyết hoặc hình tượng biểu tượng của Đạo. Chính vì vậy sự thờ phượng của họ trở nên mê tín dị đoan. Họ tụng kinh như kết biết nói tiếng của người, nhưng không làm được việc người, phát ra lời

Phật nhưng chẳng hành theo ý Phật, lời nằm lòng nhưng ý chẳng thông, làm giả tưởng chân, họ chấp vào văn ngôn giáo lý cho rằng "chân kinh" nhưng thật sự nó là "giả kinh hữu tự" còn lý nhiệm ẩn tàng sâu kín là "chơn kinh vô tự" quý báu vô cùng.

Chính vì vậy họ đã bị kinh chuyển, hành theo lời, xa rời lý đạo, chấp giả bỏ chân, cái hình thức của lớp vỏ văn chương là thành trì kiên cố chôn nhốt họ trong đó làm bịt đường bí lối không thấy biết gì ráo, nào rõ được Đạo.

Muốn thông đạt sách kinh hiền truyện phải có trình độ tương đương với tác giả của nó, bằng không vô phương thấu rõ. Do đó kinh sách là bẫy rập gài người hạ trí, nhưng là đuốc sáng soi đường cho kẻ đại căn, bởi vì đạo vượt ngoài phạm vi ngôn ngữ, chỉ mượn lời bày lý, khi đạt lý rồi, ta cần phải quên lời, có như thế việc xem kinh sách mới đem lại lợi ích thiết thực cho việc tâm tu, còn bằng ngược lại rất tai hại, nó dẫn ta đi sai đường lạc nẻo.

Việc tụng kinh niệm Phật, nguyện cầu Trời đất không đem lại một kết quả nào cho công phu gầy dựng tâm tô bồi tánh. Nó chỉ làm hao hơi tổn sức cực thân, tinh thần kiệt quệ. Nhưng "người tu hình tướng" cho đây là đường lối hành đạo chân chính giúp họ hy vọng, tạo một niềm tin vững chắc, hỗ trợ giúp đỡ, bởi họ chẳng có cái gì bám víu vào để tu thân.

Họ tu mê hành muội suốt đời cùng kiếp lặn hụp trong ao tù nhân dục, sống với vô minh tục tánh không thể nào giải thoát được, Địa ngục trùm bao họ rồi, thật rất bất hạnh.

Ta hãy để ý sự việc trước mắt:

Giữa đêm đen vạn vật đắm chìm trong bóng tối, cái màn vô minh dày đặc ấy dầu ta cố sức nguyện cầu, phục đầu vọng bái, tụng niệm trì kinh để xóa tan nó đi, nhưng không đem lại kết quả, chẳng hề hấn gì cả, thậm chí ta bực mình nguyện rửa và ngay cả dùng quyền lực tội bực của thế gian cho nổ hạt nhân nguyên tử để hủy diệt nó. Thật ra cũng bằng thừa "đêm đen vẫn là đêm đen".

Một sự thật hiển nhiên, đêm đã tàn, bình minh xuất hiện, nhứt diện lộ hình, vô minh thoái nhượng. Tự nhiên đen tối mất, cảnh vật hiện ra rõ ràng chan hòa trong ánh sáng.

Vậy "ánh sáng đến là tối lui."

Cho nên nhân sinh khi tâm không giác, trí không ngộ, lại lo miệt mài theo việc cầu nguyện mong ước viễn vọng là còn tạo mãi cảnh bất giác tối tăm trầm luân nơi khổ hải.

Bởi họ tìm Đạo nhưng không biết Đạo ở đâu? Cứ nhắm mắt làm càn không định hướng, chẳng mục tiêu, phó mặc cho định mệnh may rủi, thật tai hại vô cùng, cũng bởi vì họ tu hành còn nằm trong ảo tưởng.

Người giác ngộ quan niệm đúng đắn, không đi theo ngõ hữu vi, chẳng hành theo hữu tướng, họ tự đổi hướng xoay chiều, trở lại nội tâm nơi tiểu vũ trụ này để tìm Đạo, hành Đạo và đắc Đạo, tạo ra ánh sáng để thanh lọc tâm, gội rửa lòng, cũng là "phép thanh luyện" hay "phép rửa tội" tiêu trừ đen tối, khử trừ lưu thanh, có được lòng trong tánh sáng, "Minh tâm kiến tánh" việc làm này gọi là "tụng kinh vô tướng", càng tụng, càng niệm cái sáng được bồi tô thêm, có năng lực phi thường, phép màu tội độ, cứu



khổ ban vui thành ra giải thoát.

Tất cả điều đó do ta thực hành, ta nên tụng, nên niệm, nên cầu như thế để đạt tâm kinh đặc trí Huệ đúng theo yêu "cầu", y như sở "nguyện" của việc "cầu nguyện thật".

Người thực hành tâm pháp, "cầu" với chơn-như, "nguyện" với chơn-tánh, cầu cho lòng phàm dứt, nguyện cho tục tánh tiêu, như vậy tuy có cầu có nguyện cũng như không nguyện không cầu.

Người tu hành đúng "chơn cầu nguyện" này mới được giải thoát, cũng gọi là tham thiền, tịnh tọa để đặc trí huệ, chứ không phải hành thiền có chùng lầy lệ chẳng được chi, chỉ mang khổ vào thân, xương khô thịt héo, tự hủy hoại lấy mình.

Do đó ta chỉ cầu nguyện với ta, cầu thấy tánh và nguyện rửa lòng, chẳng có mong vọng nơi đâu cả. Nhờ biết nơi tiểu vũ trụ này có tất cả, chứa đựng vật báu giống như đại vũ trụ thế gian bên ngoài. Chính tư tưởng "Lão Trang" dạy rõ:

*"Ai biết được trời đất như hạt thóc  
Sợi lông như hòn núi là biết Đạo."*

Ta hãy trở về với Ta tìm đường lối trong Ta, hiểu Ta là hiểu tất cả, biết Ta là biết tất cả, tất cả là Ta, Ta là tất cả-Tất cả đó là Đạo.

Chính nhờ "con đường sáng" này dẫn ta đến sự sống. Từ "vạn thù hữu vi" trở về với "nhứt bản vô vi" là chân và thật, rõ biết "đường đi lối về", tới cái điểm một, nguồn cội trong tâm nội, ngõ hầu gặp được "Thiên hạ" ông "Trời con" nơi ta. Cái điểm linh quang vì mê muội ta không biết nên đã dầy lớp, đắp lên cái vỏ vô minh. Giờ nay ta hiểu biết chân thật, có

ra sức thực hành, lột trần vén sạch nó đi để ánh sáng lộ bày, "Phật Chứa" hiện ra cũng chính là Huệ Năng của mình. Cái khối sáng trong ta ứng dụng đến chỗ vi diệu, có khả năng vô lượng, chuyển hóa vô minh thành ra "Trí Huệ" và nhờ nó giúp ta thấy chân biết thật, vì chỉ có chân thật mới giải thoát ta ra khỏi vô minh và phiền não.

Đến đây ta đã hành được cái đạo nơi ta. Tự ta nhận rõ trong thân này "Đạo ẩn tàng" cả một nguồn đạo sung thiêm đang dâng trào, tràn đầy nhựa sống. Nên ta không phóng ngoại mong cầu nơi đâu nữa. Ta cố tâm tận lực thực hiện việc tô bồi xây đắp cho "cái nhà Đạo" của mình càng ngày càng bền vững, đoan trang tháp vàng hào quang rực rỡ, với xá lợi viên minh có được một "thể chất tinh anh" rồi đem ra ứng dụng "tuyệt mỹ", thể dụng tương đồng, ngoài trong như nhứt.

Chính thành quả này có được là do công phu tu luyện, nhiều gian khổ. Lắm nhọc nhằn, chịu thương chịu khó khác nào đòi trau một viên ngọc, chỉ có người thợ chuyên môn mới biết được "Thạch trung hữu ngọc" với kỹ thuật cao và bàn tay khéo léo, tỉ mỉ giữa mài để tránh gậy tì vít mới có giá trị. Thật sự là quý báu ở trên đời. Còn đây là việc tu hành tạo tác bảo vật tinh thần vô ngần quý báu, đắp xây Phật thân, cái "Thánh thể chân thuần" ấy không ai có thể cưỡng đoạt hoặc tiêu hủy đặng. Vì nó "vô ảnh vô hình" trong tâm linh nội giới, hằng hữu hằng thường, vô sanh bất diệt, nên nói có cuộc sống đời đời, trường sanh bất tử, khác hẳn với "giả thể nhục thân" hữu hình hữu hoại theo thời gian.

Chính nhờ đường lối vô vi hướng nội, sẽ tìm đến Phật, diện kiến Như Lai. Ta đi ngay tìm đúng không còn dằn dả do dự nữa. Hãy mạnh dạn tiến lên! Mỗi bước của ta đi làm san bằng chướng ngại, dầm nát chông gai, tiêu trừ đen tối trong khi ánh sáng lại phục hồi. Đây là sự hành đạo tạo tác trí Huệ vun bồi Thánh thể. Con đường sáng đưa ta vào cảnh giới quang minh rạng rỡ là "Phật đạo cao thâm" khác hẳn với danh từ tôn giáo, đạo này đạo nọ. Họ cho rằng chỉ có giáo tôn của mình mới chánh chơn, cao siêu tốt bậc rồi lại bài xích tôn giáo khác. Chính vì óc kỳ thị dị biệt độc tôn ấy làm cho họ bị khép khuôn trong những tư tưởng thiển cận.

Người tu hành chân chính ắt phải vượt hẳn cái tầm thường đó, tiến đến cái phi thường của các đấng thánh nhân để thực hành chân lý đạo.

"Đi ra" là sa vào lưới vạ thù chằng chịt vấn vương không phương tháo gỡ, khác nào chim lồng cá chậu, phải chịu cảnh tù đày, đọa lạc chốn u đồ bi thảm "mất tất cả".

"Trở về" từ vạ thù quy nhất bốn, nương hữu hườn vô tô bồi Đạo quả. Chính nhờ vào đường lối này tự ta tháo gỡ, mở trí, vượt khỏi lưới rào san bằng bẫy rập "giải thoát tất cả".

Chính con đường trở về nguồn là chơn hành, đi ngay vào chủ chốt, đầu mối phát sanh vạ sự do tâm tạo. Tất cả đều do tâm "Tâm tà tất cả đều tà", "Tâm chánh tất cả đều chánh". Phật dạy rằng: "Tâm tức Phật-Phật tức Tâm". Ta có nhiệm vụ Phật hóa chúng sanh trong tâm mình, nhờ vào phương tiện duy nhất "tâm pháp bí truyền" hành trau và đặc đạt,

tự ta làm chủ cái tâm, thắng phục cái trí, biến Chúa Yêu thành Phật tốt, đến đây không còn một trở ngại nào!

Người tu tự hành trau trong tâm linh nội giới, thuộc vô vi vô tướng, không thể dùng ngôn từ diễn tả hoặc lột trần hết đạo lý được. Ta chỉ cảm nhận chứng ngộ khi hành đạo, chuyển máy linh của mình.

Ngày xưa Phật thuyết minh chân lý đạo cho các môn đồ dụng tâm "lý giải" chỗ tối mật bí yếu "Đại thừa tâm pháp", mượn cái có trước mắt dễ thấy biết để tỏ ngộ cái chưa thấy biết, tất nhiên ai nhận rõ sẽ thông lý đạo. Ngài dạy bảo:

"Các đệ tử ơi! nước biển ngoài khơi kia chỉ có một vị mặn, Đạo ta đây cũng vậy, có một vị là vị giải thoát".

Chúa Jésus cũng khẳng định cùng một pháp ý: "Các người là muối của đất, nếu muối mất mặn đi rồi lấy chi làm mặn lại, chỉ thải xuống đất cho người ta chà đạp!".

Không một ngôn từ nào có thể diễn tả được vị "mặn", cái tính chất mặn tiềm tàng trong muối, chỉ cảm nhận khi ta nếm vào mới rõ biết "mặn ra sao", như thế nào? Đạo pháp vô vi cũng vậy!

Khi thuyết pháp độ đời, cứu rỗi nguyên căn các Ngài dùng Sự việc thường ngày xảy ra trước mắt để dẫn dắt họ vào vô vi chân đạo, vượt ngoài hình tướng, biểu tượng của Đạo, nghĩa là mượn tướng để thấy tánh, nương sự bày lý, nhưng khi đạt lý rồi chớ nên chấp sự, có như vậy ta mới không bị sự chi phối, kinh buộc ràng mới chuyển được kinh, thực hành theo mật ý nhiệm màu. Một hình ảnh ta thường thấy

trong nhà của những người mê tín, tin tưởng thần quyền, thờ ông "Quan công" phò trợ gia đình an lành mạnh giỏi, quỷ ma không dám quấy phá, bức tượng trưng bày như sau:

"Quan công mặt đỏ ở giữa" hai bên Châu xương mặt đen, Quan Bình mặt trắng theo phò tá và có cả "Thanh long đao".

"Đen trắng" tượng trưng cho "Âm dương" tương đối, tả chi hữu dực ở hai bên. Hãy tôn thờ người mặt đỏ ở ngay chính giữa, tiêu biểu cho trung can nghĩa khí, chánh trực quang minh, không nghiêng chính "Ngôi tuyệt đối" tối cao luôn sẵn có thanh long đao, tuệ đao, huệ kiếm, vũ khí sắc bén, khử ma trừ tà, quá ngũ quan, trăm lục tướng (qua năm ải giết sáu tướng giặc) giữ gìn bờ cõi. Tất cả đều ám chỉ lý đạo duy nhất, giúp ta trở lại tìm hiểu nơi tiểu vũ trụ này, rồi áp dụng đúng trong công phu gầy dựng và bảo vệ "Tâm thể an bình" đời sống tâm linh, tinh minh rạng rỡ.

Cũng như ngày "Thích Ca Phật Đản" tượng trưng với pho tượng Đức Phật một tay chỉ trời, một tay chỉ đất; sách kinh lưu truyền dạy lời Đạo lý "Thiên thượng, thiên hạ duy ngã độc tôn".

Thêm nữa ngày Giáng sinh Chúa hài đồng nằm trong máng cỏ. Một bên ông Joseph, một bên bà Maria, không ngoài chỗ dụng chỉ rõ "duy nhất lý" cho biết Ngôi độc nhất gồm tất cả thể chất "Đất trời", "Hữu vô" trong một thể, âm dương hiệp nhất, cái ta được sinh ra, cái gạch nối liền càn khôn quy kết, quan trọng vô cùng, ta phải hết sức chú trọng và có bốn phận tường lãm, bởi vì nó là "Ngôi vị độc tôn", có nó

là có tất cả, lên trời, xuống đất, thành Phật, hóa ma, đều do ta dụng chánh hay tà, chơn hay giả.

Mượn chỗ "hữu vi tương đối" trở về chỗ "vô vi tuyệt đối". Thông suốt cả Hữu lẫn Vô là tri tường lý đạo.

Người ta khi thông đạt nhất lý rồi không còn chấp hữu, chấp vô. Vô hữu là một, kết thành một vòng pháp luân do trụ cốt chuyển xoay "cái trung đạo" ở giữa đó chi phối tất cả. Bởi lẽ sinh hóa "đi ra", Đạo từ nhứt thể ứng ra muôn ngàn, thiên hình vạn trạng, vô sanh hữu - "Đạo ra pháp".

Khi quy hiệp "trở về" từ muôn ngàn hồi hương chỗ một ấy. Pháp đạo hoàn nguyên - Hữu hườn Vô. Ta rõ biết "đường đi lối về" nên không còn lạc lõng chơi vơi giữa chợ đời muôn ngã. Tự ta thực hành đường lối trở về nguồn, sớm muộn gì cũng đến mục tiêu, cứu cánh sau cùng "hồi cự vị" do ta ứng dụng bí pháp một cách vi diệu, thoát hẳn mọi sự ràng buộc của thế trần "siêu giai giải thoát".

Trên đường tu, hành giả phải kiên trì chịu đựng, đừng nản chí thối lòng, trước muôn ngàn chướng ngại, nhưng đừng đáp lại "Trí Huệ", phát triển dồi dào, càng hành càng sáng, cái sáng được tô bồi thêm mãi. "Huệ tâm phát", "trực giác khai", hiểu chân biết thật, am tường chỗ hữu, thấu triệt chỗ vô, mượn đời rõ Đạo, dưới "thiên nhãn quang minh". Đạo thị hiện đủ đầy, những cái không thể biết, không thể đo lường được lộ bày ra trước mắt. Khi đó người tu thấy đặng đạo lý ẩn tàng trong hình tướng nên họ không còn bận tâm hoặc thắc mắc về sự việc bên ngoài, nhất là hình tượng tôn thờ, lễ nghi cúng tế, kinh kệ nguyện

cầu của các tôn giáo. Tất cả đến với họ đều thấm nhuần lợi ích, chân tướng lộ hẳn ra, không còn che giấu được nữa.

Con đường chân lý quang minh, hành giả cứ thẳng tiến với pháp bửu hữu hiệu bên mình ứng phó kịp thời, giải quyết đúng mức, đáp án đoan trang! Họ sẽ đi nốt đoạn đường gian khổ nhờ "Thần chú nhiệm màu" ôn tập.

Người tu phải: "Có chí lớn - Cố gắng lớn - Kiên nhẫn lớn để đạt thành công lớn" nếu không có chí lớn thì làm thế nào ly gia cắt ái, vượt ái hà cho nổi!

Có chí lớn không phải vượt ái hà không, mà còn vượt bao trở ngại khó khăn của cuộc đời. Khi đối đầu với một việc khó, ta lại hỏi. Trước việc khó ta "cố gắng lớn" để vượt qua chướng? Có "kiên nhẫn lớn" để chịu đựng chướng? Thì "chí lớn" sẽ giúp ta có "cố gắng lớn" và "kiên nhẫn lớn".

Khi vượt qua gian khổ trở ngại xong rồi thì ta sẽ được "thành công lớn". Tất nhiên người tu phải tận lực thực hành, không được chần chừ do dự, với tâm lực mạnh mẽ, trí lực dồi dào, thêm vào đó "Pháp môn vi diệu".

Sống ở thế trần ta phải chấp nhận đối đầu với mọi sự việc đến với mình, dù tốt, dù xấu, đều có lợi ích cho công phu tu luyện tự biết chân và hành thật, Phật Chúa sẽ hiển linh trong cuộc sống, không còn cách xa diệu vợi, Đạo thị hiện.

## CHƯƠNG II

### PHƯƠNG TIỆN TIẾN HÀNH ĐẠO PHÁP

Người tu phải trở lại cái ta này để hiểu biết, chính đây là đầu mối quan trọng, hiểu ta là hiểu tất cả. Kinh sách nào cũng không nói ngoài "bản thân" của ta. Chính nó là một "Đại kinh", một pho sách vô lượng trang, ta lần lượt tham khảo và am tường.

"Vạn năng trong bản thân ta

Không tìm phí mất thật là uống thay."

Ta phải làm chủ trọn vẹn "pho báu kinh" để thực hiện cho đời sống tâm linh, chân hạnh phúc của chính mình. "NGÔ" cái ta gồm "chơn và giả", thật và hư trong một khối, muốn tri tường ta phải thấu triệt cả hữu lẫn vô, ngọn và nguồn không bỏ sót một phần nào cả "Thân xác" là nhục thân do cha mẹ tạo ra, âm dương kết tụ, một hình hài ra đời, một tuyệt tác phẩm của Thượng Đế có đầy đủ tất cả, một kho tàng quý báu. Linh hồn là điểm linh quang tách rời khỏi đại khối nhập vào xác thịt để làm lẽ sống và sinh hoạt.

Linh hồn là "chủ", thân xác là "nhà", vô thể nằm trong hữu thể cũng là "hồn tiên" trong "xác tục", "hồn trời" trong "xác đất", "hồn Phật" trong "xác ma". Bộ máy gồm nhị thể ấy, nếu thiếu một trở nên vô dụng. Vì vậy ta không thể chấp ở một vị trí vô hay hữu, cần phải hiểu rõ toàn chu nguyên thể để đắc dụng nó làm phương tiện tiến hành Đạo Pháp.

Ta do Đạo tạo thành: nương ta tìm Đạo, có ta là có Đạo, mất ta là mất Đạo, làm chủ ta là làm chủ

Đạo.

"Đạo còn nhân vật còn - Đạo tuyệt nhân vật mất". cơ thể con người là vũ trụ thu hẹp, tương tự như Đại Vũ Trụ, thế gian bên ngoài, nên được gọi là "Thế gian Tiểu Đạo" ta quan sát để tìm hiểu, nó gồm có:

Đầu: sức nóng ánh sáng - Thân: Thượng giới.

(Phật)

Ngực: không khí - Khí: Trung giới. (Pháp)

Bụng: đất nước - Tinh: Hạ giới. (Tăng).

- Tam bửu của trời: Nhật - Nguyệt - Tinh

- Tam bửu của đất: Thủy - Hỏa - Phong

- Tam bửu của người: Tinh - Khí - Thần

Còn trong Phật kinh tượng trưng: Phật, Pháp, Tăng, người tu giác ngộ phải làm sao trở thành Phật Tử, con Phật thật sự, nhưng không biết cách nào để quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng của chính mình, kết thành Ngôi Tam Bảo, pháp thân bất diệt, khi ứng dụng đúng chơn pháp; còn hành sai, ngược lại phải bị đọa lạc, tiêu tan Tam bửu, hủy diệt Phật thân, trầm luân khổ hải.

- Thuận sanh ra phàm: đi xuống "Đọa" Phật theo tà pháp, hóa chúng sanh tục tăng.

- Nghịch chuyển thành Thánh, thăng thượng "Siêu" chúng sanh giác ngộ "Thánh tăng" nương "chánh pháp" thực hành trở thành "Phật".

Tóm lại người tu tùy theo chỗ dụng: Tu hành "chánh" hay "tà", chơn hay giả, tạo tác hay phá hoại - định đoạt số phận - thành công hay thất bại đều do ở nơi mình.

Trước sự việc trọng đại đối với đời mình. Một kiếp vi nhân quý báu, ta phải rõ cái gì mình đang

có, tạo hóa đã ban cho để làm phương tiện tu tiến. Ta hãy bắt đầu tham cứu cái tiểu vũ trụ. Thân xác của ta - Báu kinh thực sự giúp ích cho ta trên đường tìm Phật, kiếm Chúa, diện kiến Như Lai. Việc làm này thiết thực nhưng rất vất vả, ta có bốn phận phải hoàn thiện đủ đầy và thấu triệt nó. Thật khó tìm khó thấy, nhưng biết được đầu mối, mấu chốt, ta lần lượt tháo gỡ lột trần, tất cả sẽ lộ bày hiển hiện ra trước mắt.

Ta đi ngay vào bộ phận "đầu não" phát sinh, trung tâm điều khiển mọi hoạt động để tri thấu cội căn, nguồn gốc CÁI ĐẦU của ta đấy. Hãy trở về đó để rõ "diện mục" của chính mình.

Hiển lộ ra nơi CÁI MẶT, dễ thấy, dễ biết, ta nhận rõ có một cái gạch thẳng đứng ở ngay chính giữa, tượng trưng con người ở giữa TRỜI và ĐẤT đó là:

"Nhân Trung"

Trên là "Trời" - Dưới là "Đất".

Vì vậy nếu con người "Hòa Thượng" lên Trời - "Hòa hạ" xuống đất theo lẽ "siêu đọa" của Thiên cơ mâu nhiệm tùy theo ta hành động đúng hay sai, chơn hay giả, giác hay mê. Ta hãy tìm hiểu phía dưới Nhân trung thuộc đất có:

- Cái miệng: ăn vật chất của đất nuôi xác thân, chính đây là nơi tiếp nhận nhiên liệu, giúp cho cơ thể có năng lực hoạt động.

Phàm nhân chấp tướng, chú trọng vào nhục thân, ham mê ăn uống, cung phụng cho nó béo bở, phì da với đầy đủ mỹ vị cao lương, nào thịt béo rượu ngon. Vì nhu cầu như thế họ tranh giành từng miếng ăn thức uống, đôi khi dùng những thủ đoạn đê hèn

giết chóc lẫn nhau, tranh đấu để mà sống. Họ lại hủy diệt những sinh vật khác để làm thức ăn cho mình. Những kẻ man di còn ăn thịt ngay cả đồng loại nữa. Ôi! cũng vì lòng tham, thèm khát gây ra hành động bất nhân thất đức, mất hẳn lương tri, một điều hiển nhiên còn sống còn ăn. Suốt đời họ bận rộn vất vả về chuyện ăn uống lo dụng kế sinh nhai, đáp ứng nhu cầu đòi hỏi. Một đôi khi đồ ăn tới miệng rồi, nhưng lại bị kẻ khác dùng quyền lực tước đoạt hoặc cấm đoán đến nỗi không thể ăn được, thật khốn khổ thay!

Người theo phép lợi dưỡng ăn quá no, uống quá mức, trúng thực, đứt hơi lia mạng. Bởi họ chủ trương sống để ăn, cho đó là một trong tứ khoái ở đời. Họ cố lo cho đủ đầy chất bổ cung phụng nhục thân khỏe mạnh để hưởng lạc thú ái ân. Họ hy vọng giữ gìn thân xác được cường tráng sống lâu, nhưng nguyện ước bất thành bởi hữu hình hữu hoại theo thời gian.

Một điều đáng chú ý, đồ ăn vật chất của đất nuôi xác thân có hạn lượng tận cùng. Khi có thiên tai làm mất mùa thiếu vật thực, người ta phải lâm vào nạn đói cho đến chết. Ôi! cũng vì mang xác thân này nên phải chịu khổ.

Người giác ngộ lại khác, không coi đời sống xác thịt là trọng, chỉ cần chú ý quan tâm nhiều đến đời sống "tinh thần chân thật". Họ dụng vật thực thanh đạm để nuôi thân "Ăn để mà sống" thức ăn gồm thảo mộc, ngũ cốc chứa đạm thực vật gọi là "Ăn chay". Họ suốt đời hành như thế không thay đổi.

"Trường trai" một đại giới của người tu luyện Đạo, việc ăn uống này chính Chúa cũng chỉ dạy rõ và

đề cập trong "kinh sáng thế". Lúc còn gần nguồn cội buổi sơ khai, nay ta muốn hồi hướng trở về cựu quê phải thực hành đúng như thế, Chúa gọi là "Kiêng ăn". Chúa phán: "Này, ta ban cho các người mọi thứ cỏ kết hạt mọc khắp mặt đất và các loại cây sinh quả có hạt giống, ấy là đồ ăn cho các người".

Ta hữu dụng thân thể để trợ lực cho việc tu hành, Phật chỉ rành: "Nó là con ngựa cho ta cỡi trên đường tìm Phật thánh kinh. Ta phải biến nó thành ngựa rông "Long mã" mới đủ sức đi đến nơi về đến chốn".

Người tu pháp Đại thừa phải giữ gìn nó và luôn luôn chăm sóc, bồi dưỡng bằng thức ăn đặc biệt "cơm Trời bánh Phật". Từ lúc nó lão nhược suy yếu, trở nên cường tráng mạnh khỏe, nhất là ta phải biết rõ lúc đói khi no, đói cho ăn, khát cho uống, nuôi dưỡng đầy đủ, nghỉ ngơi đúng giờ giấc, bởi vì đây là phương tiện chủ yếu không thể thiếu được. Ta phải làm chủ ngựa trị và chỉ huy nó, "Tiên cỡi thú", Thánh kinh ghi lại, lúc Chúa vinh quang tiến vào đền Thánh, cỡi trên "con lừa". Tự thắng được thú nhục dục, một thành công rạng rỡ, để đột nhập vào "Đền Thánh thần thánh" của ta, trong tâm linh nội giới. Lại có một số người chấp vào vấn đề ăn uống cho rằng đây là phương pháp tu để thành Tiên, nên Thánh, đắc Phật. Thật là quan niệm rất sai lầm. Từ trước đến nay có chơn truyền nào dựa vào việc ăn uống để thành đạt đâu, chỉ coi đây là phương tiện tiến hành hay trợ lực cho công phu tu luyện của ta đấy thôi. Trâu, voi, khỉ không ăn chay sao? Nó có thành Tiên, nên Phật chi đâu! Hơn nữa tổ tiên chúng nó cũng chay lạt lâu rồi.

Ta còn thua chúng thay bởi vì ông cha ta chưa chắc đã ăn chay!

Ngoài ra người theo thuyết lợi dưỡng kích bác rằng: ăn chay sẽ suy yếu, bạc nhược, không đầy đủ chất bổ, mất hết sinh lực đi đến chỗ hủy hoại tự sát.

Thật ra ta thử hỏi: có ai mạnh bằng con trâu, khỏe như con voi chẳng? Chúng chỉ ăn một ít cỏ, nhưng lại có sức mạnh phi thường. Thế nên ta phải nhận thức đúng đắn để khỏi bị lung lạc, xao xuyến vì thị phi gièm siểm, khó lãnh hội mật nhiệm lý chân. Vậy trường trai giúp cơ thể nhẹ nhàng, dùng vật thực thanh đạm không trọng trực nặng nề như thịt cá. Ngoài ra một số người tu không thành công ở công phu, chẳng thắng phục ở con thú nơi lòng, sợ thân nghiệp cái xác thân này đòi hỏi gây trở ngại cho việc tu hành nên họ phải nhịn ăn, nhịn khát gọi là: "Pháp vô úy" để cho cơ thể suy nhược, không còn sinh lực đòi hỏi dục lạc ái ân. Với hành động này họ tự hủy hoại nguồn sinh, khác nào khắc nhượng con ngựa chúng trở nên què xụi để dễ bề sai khiến, nhưng chẳng giúp ích gì cho họ cả "Hữu thể vô dụng" việc làm này rất tai hại, một sai lầm lớn lao!

Ta nhận thấy không ăn thì cơ thể suy nhược khô cằn, trái với tự nhiên, không hợp lẽ Đạo mất đi sự sống; còn dùng thịt cá, cung phụng nhục thân dẫn vào cảnh sa đọa đam mê ái ái, phải trầm mình trong dục hải; tự giết Phật, hại Chúa của mình, trợ lực cho yêu tinh vô minh hành sử. Cả hai trường hợp trên đều sai.

Ta phải nhận chỗ trung dung đúng lý Đạo

không thái quá, chẳng bất cập, mới lãnh hội được chơn lý, phù hợp tự nhiên, khác hẳn với cái thấy biết của phàm phu, nhữn giới của thế tục, chấp tướng trụ vật. Tự họ làm mất Đạo, tiêu tam bửu, đời sống tâm linh đi đến chỗ khánh tận.

Đây là trường hợp của đa số người tu khi lý chơn chẳng rõ và không ngộ "pháp đạo" nên đành cam với số phận cứ lầm lũi đi vào con đường đau khổ.

Cảnh nguy vong, thật bất hạnh thay!

Ta tiếp tục quan sát...

Ở tận cùng thân: có một lỗ tiểu và một lỗ đại, để thải cặn bã ra ngoài.

Lỗ tiểu cũng nằm trong bộ phận sinh dục của con người, nam hay nữ lớn lên đến tuổi "16" trăng tròn hay tuổi cập kê, tế bào sinh dục phát triển. Từ vô sanh hữu - Hạt giống chúng sanh thành hình, chất nước ái ân được tạo ra. Cái nguồn nước này luôn tuôn chảy theo định luật tức nước vỡ bờ, phải tràn rơi rớt, tiêu hao.

Người thế tục bị chất nước này kích thích giao hợp nữ nam để giải quyết sự khao khát thèm thồng của thú nhục dục, do sự kích động đốc thúc từ bên trong ngày càng mãnh liệt, dâm niệm phát khởi "mây thành mưa", giọt tinh rơi xuống trên thửa đất lòng. Cuộc mây mưa diễn ra giữa nam nữ theo phàm pháp tận hưởng lạc thú xác thịt, thỏa mãn lòng dục, nhưng lại càng ham muốn. khao khát thêm nữa. Thế nên bao nhiêu nhiên liệu họ đem ra phung phí tiêu xài, của báu hao hụt, vạn bửu nang của Phật trống rỗng vì bị thủng đáy, thải bảo vật ra ngoài.

Đời sống "tinh thần" trở nên đen tối cùng cực, thần mất tinh, thần chẳng còn, ánh sáng tiêu tan, lửa tắt vô minh ngập tràn, làm chấn động rung chuyển đất trời "con đời kết tụ" theo công thức "giả tạo hóa chi cơ".

Hai con thủy long "Hà bá" đầu đầu với nhau nơi hạ bộ. Họ thích muốn làm "Hòa hạ" đó!

Đây là hành động ngay cả Thiên tử chí ư thứ dân, kẻ văn minh, người mọi rợ cũng y khuôn một rập diển ra, không phương ngăn cản nổi. Họ coi đây là sự sung sướng tốt cùng, cảnh khoái lạc ái ân là chân hạnh phúc. Họ tranh giành chiếm đoạt cưỡng bức để thực hiện dâm sự. Hành động phạm phu này cứ tiếp diễn mãi nên họ phải chịu đau khổ triền miên. Họ đã để con thú làm chủ mình, quỷ ma che lấp Phật. Thế mà họ nguyện cầu ân trên ban cho sức khỏe dài lâu để tận hưởng lạc thú ở đời Thiên đường nơi trần thế!

Phàm nhân bội giác hiệp trần, bám đất lia trời, rơi vào "Lò lửa" hỏa ngục thiêu đốt, lửa dục hoành hành, không bao giờ tắt.

Người giác ngộ kịp thời chặn đứng hành động nguy hại tự sát ấy, thực hiện việc "tuyệt dục" đại giới thứ hai để hành đạo tu thân.

Chúa phán: "Có người hoạn tử trong bụng mẹ sinh ra, có người hoạn bởi tay loài người và có người tự làm nên hoạn vì có nước Thiên đường".

Người đời quan niệm bộ phận sinh dục của nam nữ không ái ân giao hợp được là "hoạn".

Có người mang tật từ lúc sơ sinh, cơ quan sinh dục không phát triển, bán nam, bán nữ theo hình thể phô lộ ra ngoài.

Lại có người vì tai nạn hoặc tự ý giải phẫu cắt bỏ hình thức đó để không thể ái ân giao hợp.

"Vì có nước Thiên đường tự làm nên hoạn".

Đây là một trường hợp quan trọng nhất, bởi họ vẫn còn đủ bộ phận sinh dục, có thể ái ân, giao hợp được, nhưng vì họ giác ngộ, hiểu rõ lợi ích của sự tuyệt dục, để dành nguyên liệu thấp sáng ngọn đèn lòng, tạo tác trí tuệ, vun bồi thánh thể. Chính đây là yếu tố không thể thiếu được. Cái hạt giống chúng sanh ấy được họ biến thành hạt giống thánh "Bồ đề chơn chủng". Khi họ may duyên gặp đấng chơn truyền, thọ bí pháp tu luyện, với phương tiện duy nhất ấy có được cái chìa khóa kết âm dương, hiệp đặng Đạo; hữu dụng chất nước đó để tạo trí Bát nhã. Ngọn đèn lòng bùng sáng, nên càng có nhiều càng tốt. Tâm đặng chiếu diệu thần thất quang minh, tinh thần rạng rỡ. Tự mình tham dự Thiên Đàng - Cực lạc Quốc.

Cũng có người thấy vậy cố lo tu giữ giới tuyệt dục, không vợ, không chồng, sống độc thân, chẳng ái ân giao hợp. Họ kiên trì chịu đựng, chống lại sự cám dỗ đòi hỏi của xác thịt để thực hiện công phu tu luyện "Bảo dưỡng tinh".

Nhưng rất đáng thương thay hoài công vô ích, vì họ không có bí pháp chân truyền để nghịch chuyển tinh trở về nguồn "tinh quy thần" nên chất nước ấy cứ xuôi dòng tuôn chảy mãi. "Tuyệt dục" nhưng không đem lại lợi ích cho việc tu hành đúng nghĩa, giữ gìn mà không được... như công dã tràng, mất tất cả, chẳng nên Tiên thành Phật; bởi đèn không dầu chẳng có ánh sáng, khác nào "con trâu, con heo"



thiến, có thành Đạo chi đâu? Họ suốt đời cứ lo tu hoại, lìa đời, tìm Đạo nhưng không bao giờ có Đạo, hành thân hoại thể, ép xác theo thuyết "khổ hạnh", nhưng vẫn không giữ được bảo vật, thật đáng thương thay cho họ!

*"Tu hành có dễ gì đâu,*

*Lạc sai luyện đến bạc đầu như không!"*

Ta tìm hiểu kế tiếp: Phía trên Nhân Trung.

Có một mũi với hai lỗ thở không khí ra vào  
Hai mắt thấy sắc. Hai tai nghe thanh.

Không khí, sắc, thanh, vô hình của trời.

Không khí để dưỡng nuôi tinh thần, chân thân của ta. Thật quan trọng vô cùng nó không bao giờ hết, nguồn cung cấp vô tận, chẳng hao công phí sức, khỏi mất tiền. Ta vẫn có không khí để thở.

Nó còn liên lạc là sống.

Nó mất liên lạc là chết.

Vật thực nuôi xác thân, ta có thể nhịn ăn một thời gian không sao cả. Chẳng hạn như rùa rắn suốt năm không ăn gì chỉ thở cũng sống được, còn đối với không khí, thiếu nó là mất mạng ngay. Không khí của "Trời" cho đời sống tinh thần, ta không thể khinh thường nó được.

Phàm nhân không quan tâm để ý tới, còn đối với người giác ngộ hết sức bảo trọng coi đó là sự sống của mình. Chính nhờ nó có thể tô bồi chân thân, dưỡng nuôi thánh thể gọi là "cơm Trời, bánh Phật" thức ăn của Như Lai. Điều này sẽ được giải bày ở phần mật pháp.

Qua những điều tìm hiểu ở trên giúp ta biết qua về cái "Tiểu vũ trụ" này, một kho tàng báu vật

của Phật ban cho, Chúa giao phó để ta tự sử dụng lấy; nhờ nương Hữu tìm Vô, mượn hư rõ thật. Từ cái đã thấy biết, rõ thông cái chưa thấy biết ẩn tàng ở bên trong. Ta phải biết tất cả Hữu Vô mới tường tri lý nhiệm.

Thiên ý thể hiện rõ ràng "con người" đứng giữa trời và đất. Thiên-địa-nhân.

Nếu là người giác ngộ phải rõ lý của trời đất, tình của vạn vật, nhất là biết bốn phận hiện hữu trong kiếp vi nhân này. Hãy hướng về trời nhiều hơn đất.

Của trời: 2 lỗ mũi, 2 mắt, 2 tai.

Của đất: 1 cái miệng, 1 lỗ tiểu, 1 lỗ đại.

Chân nhân hiệp giác bội trần, phàm nhân mê muội bám đất lìa trời, theo đời bỏ đạo.

Ta hãy làm người giác ngộ có bốn phận tìm hiểu cái Đạo nơi lòng, trong bản thân ta vừa tri vừa hành theo đúng lẽ mới đạt Đạo. "Tinh khí thần" tam bửu nơi mình vô cùng quý báu. Ta cần phải bảo trọng giữ gìn không để mất mát tiêu hao. Thân ta ví như ngọn đèn, dưới bụng là dầu, trên đầu là lửa, ở giữa là không khí.

Nếu mê muội đắm đuối ái tình, say sưa dục lạc, làm dầu chảy mãi nhiên liệu hao hụt, đèn mất sáng, rồi đến một lúc nào đó hết dầu, đèn tắt. Do đó khi rõ biết điều quan trọng nguy hại làm hủy hoại chân thân, tiêu hao tam bửu, người giác ngộ lý chân phải làm sao để phục hoàn "phần tinh anh" ấy, châm thêm dầu, đủ đầy nhiên liệu để đèn lòng bùng cháy trở lại, ngộ hầu phá tan phần vô minh đen tối nhờ tu luyện đúng mức ngọn đèn tâm linh tinh minh rạng rỡ, không còn tròn khuyết lung voi. Đạt quả vị bất

thối chuyển "Thiên đấng nhứt diện". Tất cả sự vật chân thật đều được phơi bày dưới ánh sáng chói chan của ngọn đèn trời, "nhân giới của Thiên Chúa", tri kiến của Như Lai, thấy chân biết thật.

Đây là đường lối chính yếu người công phu, tu luyện phục hoàn tâm, gầy dựng tánh, trở lại thuở ban đầu "Nhiên đấng" của ta đầy đủ huệ lực, với tâm "Định hải châu". Nhất bá bát huyền công, pháp màu tốt độ. Một điều nhân sinh giác ngộ âu lo vào thời hạ ngươn mặt pháp này, đạo đức suy vi, nhân tâm bất nhứt, chuộng đời bỏ đạo. Tất cả họ đều cuồng lao vào chủ trương đấu tranh để sống, chống báng lẫn nhau để tồn tại, gây bao cảnh lầm than tang tóc, tạo nên một thời kỳ cùng cực đen tối. Do đó biết làm thế nào tìm Đạo, hành Đạo, để có Đạo đây! " Vật cùng tất biến". Một sự việc may mắn đến với nhân loại, Thượng đế bố ban đại hồng ân tái lập "Chân truyền pháp đạo" phục hưng chánh pháp, cứu vớt linh căn ra khỏi khổ hải ái hà. Chính đây là chiếc phao cứu cánh... Cái chìa khóa duy nhất để mở cửa Thiên đàng, cũng là thang mây đưa nguyên căn hồi cựu vị.

Nếu nhân sinh nào may duyên hợp với Đại thừa vô-vi tâm pháp, hãy mạnh dạn đến tiếp nhận chân pháp để trở về cùng Đạo, bởi Đạo chỉ có một, pháp lại chẳng hai, không dành riêng cho một ai, một tín ngưỡng hay bất kỳ một tôn giáo nào cả, mà lại là nguồn sống chung cho nhân loại. Cái ân lành đó rồi đây sẽ phát triển tạo nên một thời kỳ "Trí tuệ cực thịnh" sau này ứng dụng cứu khổ ban vui cho đời. Tất cả cùng nhau hạnh hưởng!

Nguyên căn muốn tiếp nhận "bảo vật" ấy

phải hội đủ điều kiện với cấp đạo cao nhất: "Trường trai và tuyệt dục".

Đến Giáo sư tâm pháp thọ lãnh sắc thiên trao truyền cho khẩu khuyết để về công phu tu luyện. Người hành pháp ra sức hành trau: Tự tu, tự độ, tự ngộ, tự tri, tự thành phật đạo, để tự giải thoát lầy; khác hẳn với đường lối tu hành giả dối, vô định mơ hồ của các Minh sư triết giáo, đạo sĩ bàng môn, dẫn nhân sinh vào ngõ mê tín, tin vào phép lạ linh thiêng, tuyên truyền inh ỏi, gieo nọc độc cho người nhẹ dạ, toàn là sắc tướng âm thịnh - cái tâm hữu tướng ấy đã in sâu khắc đậm trong đầu óc.

Chính nó làm chướng ngại gây bế tắc thiên lý đập lấp linh quang. Lại còn một số người thích an trú tùy nương cho rằng: tu sao cũng được, pháp nào cũng pháp, trước sau gì cũng được "Phật rước Chúa ban, thiên đàng lai đáo". Ôi quá vô phước và bất hạnh thay. Họ không thấy gì cả. Cái màn vô minh che mắt bít tai, khiến họ đui mù cảm điếc, không để một lời đạo lý nào lọt vào tai. Chẳng thấy được cửa ngõ thiên đường dành cho họ, nên không bao giờ ngộ phùng "Chơn truyền pháp đạo". Vậy chỉ có một đường lối duy nhất, kết Âm Dương hiệp đặng đạo, tạo ra ánh sáng là "Chân và thật", còn ngoài ra đều sa vào ngoại giáo bàng môn của vạn thù sai biệt, cứ mãi mê theo đó đi xa cội, lìa nguồn, tuôn vào bể khổ, bị chiếc lưới vạn thù úp chụp không phương nào tháo gỡ.

Đi ra: Vào ngõ rộng, hưởng theo hữu tướng thế trần, "Nhứt bản ứng vạn thù."

Trở về: Vào ngõ hẹp, hồi hướng vô vi tâm nội "Vạn thù quy nhất bản."

Đường lối giải thoát của người chân tu là trở về với vô vi để cải tạo, giáo hóa và thăng phục tâm mình, làm chủ đặng nó là đúng đắn và chân thật.

Ở điều này có người chấp tướng tin tưởng theo lời hành theo sự. Khi nghe đến pháp "vô vi tịnh tọa", công phu nơi phòng kín, thiền viện, thất am, v.v.. Họ ham thích đua nhau tới gia nhập vào "hội tu" cho rằng mình đi đúng, trúng đường thuận lối, với chủ trương cách ly với đời, xa rời thế tục để tâm trí rảnh rang dễ bề lo tu sửa, Họ mở khóa tịnh, nhập thất, nhập bá, v.v.. Tự nguyện giam cầm thân xác trong phòng kín, tịnh đường thực hiện việc tu hành. Nhưng thần trí lại phóng ngoại tứ tung, tới lui vô định, không thể kèm giữ nổi. Bởi vì họ hành theo phạm pháp ra công khổ hạnh ép xác, ngồi chai đít, chai khu, rốt rồi chẳng đem lại một lợi ích nào cho việc trau tâm, sửa tánh và đến khi mãn thời gian tu tịnh, tỉnh tâm ấy, họ lại sống với lòng phàm và nương theo tánh tục như trước, đôi khi còn tệ hại hơn nữa - bởi vì họ không có một phương cách nào để làm chủ được cái tâm. Họ chỉ lo sửa hình thức ở bên ngoài, nơi ngọn ngành, còn ở bên trong nguồn cội nơi lòng lại dung túng não phiền, chất chứa vô minh, càng tu càng thấy đảo điên khốn khổ. Thực ra đối với họ thiên đường đâu chẳng thấy, nhưng hiện tại là địa ngục tối tăm, thân xác bị giam cầm cũng vì đạo lý huyền thâm tri tâm chẳng thấu!

Đoạn kinh sách ghi lại, lịch sử Đạo diễn tả cuộc đời của các vị Giáo chủ, nhân sinh muốn hiểu, phải quan tâm chú ý đến "đời sống tâm linh" biểu tượng một sinh nhân từ phàm phu tu luyện thành

chánh quả. Phạm nên Thánh, chúng sanh thành Phật. Thích Ca đấng Như Lai, Jésus thành ngôi vị Christ chỉ rõ sự thật hiển nhiên, tự con người làm nên tất cả. Người đi trước trải qua con đường đó đã thấu rõ, diễn tả lại chỉ dẫn cho kẻ đi sau am tường.

Các Ngài dùng thần ngữ tỏ chỗ tối mật của pháp linh, nhân sinh nào thông đạt pháp ý rồi kiểm chứng lại sự hành đạo, luyện trau của mình - con đường phải đi từng chi tiết một, từ thấp đến cao, gian lao hiểm nghèo, trùng trùng điệp điệp chướng ngại, hành giả phải vượt qua trên đường tìm Phật, tỉnh kinh, đắc tâm kinh Bát nhã.

Còn kinh hữu tự chỉ giúp cho chơn tu tri tường lý nhiệm bên trong, rồi ra sức hành trau chân truyền pháp đạo có được vô tự chân kinh, hiển hiện nơi lòng, rõ thông cả thủy, từ không ra có, cái có đó mới chân thật và trở thành vật bất ly thân - tự hữu - hằng hữu; ta đem ra ứng dụng bất cứ lúc nào khi cần đến, không còn chướng ngại, trắc trở nhờ theo diệu pháp thực hành.

Chính con đường đưa ta đến mục tiêu ấy, không phải đơn giản - dễ dàng. Một cuộc trường kỳ kháng chiến, giải phá vô minh, tiêu trừ phiền não diễn ra trong nội tâm ta không giờ phút nào ngơi nghỉ.

Người tu khi thọ lãnh chơn truyền: Đường lối duy nhất, hiệp âm dương, kết đặng đạo. Cần khôn tóm thâu về một mối, tạo cái vòng pháp luân, sản sinh ánh sáng. Chính điều này Huệ-Năng Lục Tổ giải rõ khi thuyết đạo cho sinh nhân hữu căn đa phúc ngộ phùng đại thừa đốn giáo pháp, trực chỉ Tây quy, đi

ngay không còn do dự, dằn dụa trước ngưỡng cửa Đại Đạo. Chẳng nên chấp ở chỗ tuần tự nhi tiến - cái nấc thang tiến hóa đó đối với hạng người căn trí còn thấp kém, nay đến lúc dùng thang điện "Âm dương hiệp" đưa ta lên thượng tầng "đài cao tốt đỉnh."

Ngài phán dạy: "miệng niệm lòng làm". Miệng đọc kinh thông đạt diệu lý và thực hành trong nội giới vô vi, đường lối ấy là chân là thật. Thiếu một trong hai lẽ sẽ gặp trở ngại "Tri hành" cho đúng mới đem đến thành quả. Bởi "Tri" không "Hành" chẳng thực dụng, còn "Hành" không "Tri", trở nên ngu xuẩn, không thể nào đạt đến cứu cánh được.

Nay ta hãy quan sát việc làm hàng ngày của các Phật Tử, Tăng Ni, tụng niệm Lục Tự Di Đà, trong lúc công phu hay khi thốt ra lời dẫn khởi, không biết có kết quả chi chằng hay vì lòng mê tánh muội tin tưởng vào ngoại lực trợ duyên, Di Đà thọ ký?

## CHƯƠNG III

### DI ĐÀ THẦN CHÚ

Ngoài ra còn có một số chân tu phát biểu, tư tưởng chân thật khi thấu đáo rõ ràng do bí quyết ấy:

Nhứt cú Di Đà vô biệt niệm.

Bất lao đàn chỉ đạo Tây phương.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Nghe sao dễ quá. Chỉ niệm một câu ấy bằng đường lối "Vô biệt niệm" không nhọc công gì cả. Chỉ khảy móng tay là tới Tây phương Phật Quốc ngay. Thật nhiệm màu và cao thâm quá! Ta hãy đi vào ngõ vô biệt niệm ấy để hành đạo khác hẳn với cái hữu niệm của phàm phu, tu mê hành muội theo sắc tướng âm thanh cứ mở miệng ra là Phật Phật, Chúa Chúa nhưng rốt rồi Phật Chúa chẳng có nơi lòng, toàn là đen tối vô minh - Chúa quý hiện hình yêu tinh sai khiến.

Người tu theo tâm pháp, thực hành chơn đạo nơi lòng gây dựng sự sáng-Hộ đi ngay vào tâm, cải tạo giáo hóa tại gốc. Niệm của họ là giải trừ vô minh - để sáng lòng thấy tánh - càng hành càng sáng, cái sáng được bởi tô thêm đến chỗ "minh cùng giác mãn" tụng với chơn như, niệm với chơn tánh.

Như vậy! niệm cũng như không niệm, không niệm mà niệm hơn bao giờ hết, Cái niệm của họ vào chơn như tự tánh, đây là phương pháp niệm Phật, cầu Phật, đắc Phật của người chơn tu, "Tính chân không vô niệm", thể hiện toàn khắp.

Cũng với "Lục tự Di Đà" có nhiều người đã nói đến chỗ màu nhiệm đủ đầy, giúp ta rõ việc phải làm khi bước vào đường tu, hành chánh đạo: mượn giả thân hữu thể, để thành thánh thể chân thân, quy tam bửu Tinh khí thần hiệp nhất thành "Ngôi Tam Bảo" Phật thân trọn vóc nguyên hình. Tự mình tạo Phật tác tiên hiển Chúa. Cái khối quang minh chiếu diệu, một thể chất tinh anh, ứng dụng tuyệt mỹ thể dụng tương đồng, ngoài trong như nút: phát khởi vi diệu pháp.

Đây là nhiệm vụ thiết thực, công phu chính yếu của người chân tu gầy dựng và bảo vệ cái "chân thể quang minh" ấy, Phật thân bất hoại. Đường lối vô vi thực thi đúng mức, ta phải thi hành như thế, không thể canh cải sai khác máy Trời, thiên cơ màu nhiệm.

Một số tín đồ thường đọc trong giảng kinh với lời giải như sau:

*"Nam chỉ về tâm phải tịnh thanh.  
Mô không dục lợi chẳng cầu danh.  
A trừ dâm dục nuôi tinh đủ.  
Di dứt lắng lo giữ báu lành.  
Đà ấy kim thân sanh bất hoại.  
Phật là xá lợi hiệu vô sanh.  
Nhân sinh giác ngộ mau tu tỉnh.  
Đạo pháp đôi trau sẽ đắc thành."*

Đường lối tinh tu nhân sinh phải rõ và niệm như thế mới đạt đạo, hiển pháp. Đừng tu mê hành muội theo âm thanh hình tướng rồi phải xa thầy mình mãi mãi.

Ngay trong Pháp Bửu Đàn Kinh diễn giải của Đức Chương Giáo Bùi Hà Thanh có ghi lại:

*"Nam ấy nam phương lửa bén đing.  
Mô là chỉ rõ vật vô hình.  
A gồm nhâm thủy an nơi thận.  
Di giữ chặt bền ba báu linh.  
Đà sáng sắc vàng tròn khắp cả.  
Phật hay thanh tịnh ở nơi mình.  
Diệu vi đắc ngộ chân truyền đạo.  
Pháp nhiệm thoát trần tự tánh minh."*

Với khoán thủ của (1) và (2) của tác giả Lục Tự vừa gầy dựng vừa ứng dụng cho đủ lẽ "thể và dụng" hoàn toàn kết hợp thành lời tựa "Di Đà Diệu Pháp". Đường lối duy nhất đó đưa ta vào cảnh giới giải thoát ngay trong kiếp vi nhân này.

Nay ta lần lượt tìm hiểu từng chi tiết một của câu Lục Tự Di Đà, giúp ta tiến hành đạo pháp đặc điểm chủ yếu không thể thiếu được. Vì đây chỉ rõ thiên cơ màu nhiệm, chiếc máy vạn năng - Ta nhờ nó để tạo tác Bát Nhã, sản sinh ánh sáng, không thể để nó nằm ỳ bất động một chỗ, phải biết cách khởi động, chuyển pháp luân. Tự ta điều khiển lấy chiếc máy của chính mình. Thật vinh hạnh và sung sướng thay!

Những mấu chốt tất yếu phải tự phơi bày thông suốt và đem ráp nối để đưa vào hoạt động, mỗi chi tiết ta phải theo dõi một cách cẩn thận, am tường máy linh của mình. Với phương tiện duy nhất này giúp ta phản bổn hoàn nguyên sử dụng trên lộ trình, từ Đông Độ đến Tây Phương từ đời đến đạo, chuyển mê thành giác. Hành giả phải đương đầu với bao chướng ngại, muôn ngàn thử thách, nên phải luôn luôn thận trọng, tinh nhạy trong công phu-sáng suốt ở hành động, mỗi bước đi vững chắc, kiên trì vượt

qua hết và đến cuối đoạn đường thử thách-Bởi thành công nào không có khó khăn gian khổ thì đâu có rạng rỡ vinh quang, có đi có về, hoàn tất công phu tu luyện.

Thông thường các phật tử cầu nguyện trước Phật bàn quy hướng Phật với lòng thành kính, chấp hai bàn tay vào ngực họ, dụng hết tâm thần, đem toàn ý chí cầu Phật chứng tri, Di Đà thọ ký. Trong khi đó miệng niệm lục tự Di Đà và các vị Phật khác với âm thanh trầm bổng, ngâm nga, phưởng phất mùi hương thơm ngát trong khung cảnh trang nghiêm.

Việc làm này là hành động tín ngưỡng, cầu vào tha lực giúp sức, họ mượn hình thức bên ngoài, để củng cố đức tin bên trong và làm nền tảng tu thân suốt đời của họ.

Họ dùng âm thanh sắc tướng mong cầu thấy Như Lai nên không bao giờ thấy được, đó chỉ là hư vọng ảo tưởng của lòng mê; trước mặt là hình cây tượng đá, cốt Phật dựng lên để tôn kính "bái, lạy" ru hồn họ trong vô minh u tối, nương giả hành giả, kết quả "Phật giả" thành hình, yêu tình ngự trị nơi lòng.

Còn người tu vô vi thực hành tâm pháp trở về nội tâm lo gầy dựng Đạo, tạo Bát nhã huệ trí là có Phật thật với ánh sáng quang minh chiếu diệu. Họ hiểu rõ "sự" và hành theo "lý", nên sự thờ phượng cúng tế chẳng làm chướng mắt, khó nhìn vì tất cả các sự việc đó được họ lý giải theo Đại thừa tâm pháp. Khi hiểu ra rồi cả thấy đều có lợi ích cho việc tu hành.

Đạo thị hiện khắp mọi nơi, nơi nào cũng có Đạo, dưới ánh sáng của tâm minh, Đạo lưu hành trong vạn vật.

## QUỖ

Hai chân quỳ gối thẳng người.

Hai chân là phương tiện di hành trên đất, bám đất để hoạt động khắp nơi, trong thời gian này phải dừng lại, trụ một chỗ, cùng quy hướng trước Phật bàn (chỉ rõ đường lối trở về cõi Phật).

Đây là biểu tượng lạy nơi hai bàn tay, thường theo hình thức từ trước đến nay, trải qua nhiều giai đoạn, phải nhận thức rõ ràng để tìm hiểu đạo lý ứng dụng.

## THƯỢNG NGƯỜN

Vào thời Đức Phật Di Đà cách thức lạy như sau: Chỉ dùng bàn tay trái dụng thẳng để trước ngực, rồi cúi đầu lạy một tay mà thôi (bàn tay trái thuộc dương)

## TRUNG NGƯỜN

Thời Đức Phật Thích Ca Như Lai ra đời.

Hai bàn tay mặt và trái chấp lại ở ngay chính giữa ngực, (Tượng trưng âm dương hiệp nhất, tả chi hữu đực chẳng còn. Người tu phải hành thủ công phu quy hướng Phật, thực hiện được âm dương liên kết, không còn riêng rẽ). Hai bàn tay lật ngửa hoặc úp xuống rồi cúi đầu trên hai bàn tay ấy, họ dụng hết tinh thần và ý chí để thực hiện quy hướng về Đấng Trọn lành, đây là đường hướng dụng sự để cầu nguyện lạy bái.

## HẠ NGƯỜN

Thời kỳ Hạ Ngươn mặt pháp chân truyền được tái lập do Đức Thượng Đế bố ban ân hồng để cứu vớt sanh linh. Người May duyên ngộ "phương pháp tu", trong đó hai bàn tay là phương tiện để thực

hiện việc giao hòa Âm dương. Tín đồ không biết cũng nắm tay bái lạy, còn môn đồ thấu rõ chỗ dụng này:

- Bàn tay trái thuộc dương, ngón cái bấm vào phía dưới ngón áp út làm thành một vòng tròn (ấn dương), ngón cái của bàn tay mặt để vào vòng tròn đó như một trụ cốt có thể xoay được và bấm vào đầu ngón áp út của bàn tay mặt (ấn âm).

Âm dương hiệp, ngũ khí giao hòa, "kiết quả" nhờ hành thủ công phu, pháp luân vận chuyển, máy linh khởi động sản sinh ánh sáng. Đây là một phần trong công phu - quy hướng ân trên với thành quả dâng hiến. Giai đoạn gầy dựng và bảo vệ quý báu, thành hình Phật thân, tô bồi thánh thể.

Còn đối với các bậc đã tạo tác trong công phu viên mãn cách quy hướng Đấng trọn lành lại khác. Hai bàn tay trái và mặt áp vào nhau, ngón cái của bàn tay trái để trên ngón cái của bàn tay mặt và chắp ở giữa ngực, khi quy hướng đưa lên phía trên đầu giữa trán và úp xuống khi cúi đầu trên 2 bàn tay, đây là giai đoạn ứng dụng, khi họ tự ban vui cứu khổ cho chính mình, rồi ban vui cứu khổ cho mọi người, nguyện hết tinh thần và ý chí để thực hiện dâng hiến.

Người Lãnh Đạo Tối Cao thay mặt Thượng Đế ban "Thái cực pháp lành" cho nhân sinh, đầu là thái cực, hai cánh tay là lưỡng nghi, ngón cái của bàn tay trái để trên ngón cái của bàn tay mặt là tứ tượng, tám ngón còn lại là Bát quái, xòe đưa lên; "Trung tâm điện năng" ban phát thiên điển, bố thí Trí Tuệ, soi sáng cho nhân quần.

Như vậy tùy theo sự, Ta thấy rõ cái dụng của

nó để đánh dấu căn tánh và nhu cầu của thiên hạ.

Phương pháp tu thật sự là trau sửa, quy hướng vào Phật của chính mình, hiệp nhứt âm dương, giao hòa ngũ khí để cầu Phật, đắc Phật nhờ quy y Phật nơi lòng là chân hành khi có được chơn truyền pháp đạo, chiếc chìa khóa duy nhất tự mở "công tắc" thiên cơ chuyển động, pháp luân vận hành, sản sinh ánh sáng, tự ta nối nhịp cầu với ơn trên, thông lưu với bản thể.

Một thí dụ dễ hiểu: hai dòng điện âm và dương được nối liền với nhau, ngọn đèn bùng sáng, vô bóng tháp phát quang rạng rỡ. Ở đây ta thắp sáng ngọn đèn lòng, nhà tâm quang đặng sáng suốt, cảnh giới chân thật lộ bày, không còn mù mờ u tối nữa. Sáng là thiên đường an vui, tối là địa ngục khổ đau. Tâm ta trong sáng, trí tuệ quang minh. Chính đây là việc làm thiết thực để tu tâm luyện tánh, tự hành, tự đạt, gieo nhân Bồ đề, rồi sau đó có quả Bồ đề là lẽ đương nhiên; khác hẳn với người tu mê muội bái Phật lạy Trời, cả đời đen tối, tinh thần kiệt quệ, đen tối lại càng đen tối thêm.

Chân tu phải biết hành trau, đi vào con đường sáng, tự tạo Phật tác tiên trong vô vi tâm nội, nhất là có chơn truyền bí pháp, kim chỉ nam định hướng, còn lo chi sai nẻo, lạc đường. Ta phải biết diệu dụng mới thoát khỏi mọi lưới rào của thế trần, vượt qua khổ hải ái hà, đến bến tới bờ một cách an toàn vinh quang!

## CHƯƠNG IV

NAM - ẤY NAM PHƯƠNG LỬA BÌNH  
ĐINH

Nam thuộc về tâm hỏa, lửa nơi tiểu thiên địa, ở trên đầu là THẦN. Phạm nhân sống theo đời buông lơi theo ngoại cảnh, lục dục thất tình chi phối, trôi buộc không còn tự do thông thả. Lửa dục lửa tình nung nấu tâm can, làm bứt rứt bực bội, sự đốt cháy ngấm ngấm bên trong ấy càng ngày càng bùng dậy, âm ỉ thêm.

Cái ngọn lửa đó là nguồn động lực thúc đẩy con người hành động theo bản năng thú tánh, để thỏa mãn sự đòi hỏi ái ân dục lạc và hy vọng làm dịu bớt hoặc dập tắt nó đi, nhưng ngược lại nó càng sôi sục, phát khởi tung bùng, khiến nhân sinh cùng cực đau khổ. Thêm vào lòng sân hận đua tranh giựt giành tình, tiền, lợi danh sanh ra biết bao điều tai biến thảm khốc, rốt rồi họ chuốc lấy toàn là "phiền não điên đảo", cái sức nóng này dục thúc ứng dụng theo "Tà thần giả trí" bắt họ làm nô lệ, hành động theo vô minh tục tánh. Họ tự hủy hoại chân thân, làm tiêu tan tam bửu. "Tà hỏa" khiến cho nhân sinh đọa lạc, "Lò lửa hồng trần" thiêu đốt họ không bao giờ dứt.

Con người tu tâm pháp biến Tà Hỏa thành Chân Hỏa, tự họ làm ra lửa, hành hỏa công tạo "chân dương thần hỏa" dùng vào việc nấu cơm Trời, nướng bánh Thánh,... có được thức ăn của Như Lai, nên cung cấp cho Phật thân đủ đầy khang kiện. Đây là việc làm

thiết thực, công phu chánh yếu. Điều kiện "cần và đủ" để thấp sáng tâm đăng của ta.

Trước tiên phải làm ra "lửa".

Người tu phải biết lấy lửa trong vô vi nội giới, khác hẳn với lửa hữu hình ở bên ngoài. Đây là sức nóng, lửa điện trong người của chúng ta.

Khi thọ lãnh chơn truyền, thực hành bí pháp, làm việc này chẳng khó khăn gì, tự họ tạo chơn hỏa một cách dễ dàng. Chính ngọn lửa này giúp ích đắc lực cho các chơn tu hoàn thành sứ mạng giải thoát.

Luồng hỏa hầu đưa ta đến cực lạc quốc, lai hồi bản nguyên, cũng giống như khi ta dùng hỏa tiễn, đưa phi thuyền vào không gian, nếu ta không "khai hỏa" được, phi thuyền vẫn nằm ỳ trên mặt đất.

Ngọn lửa Trời có vạn năng khối chơn dương thần hỏa thiêu đốt mọi hắc ám khổ đau não phiền trong tâm nội cải hối lòng phàm. Nơi kinh thánh gọi là "phép rửa tội" bằng lửa của Chúa. "Tán dương hỏa" "Thối âm phù" cho nên hỏa công quan trọng vô cùng, ta phải biết hữu dụng nó vào mục đích giải thoát, bằng không nó sẽ gây trở ngại là "Hỏa diệm sơn" ngăn đường đón ngõ, thiêu đốt khách tây du ra tro bụi. Chính Tà hỏa khiến các Tục Tăng làm nô lệ cho dục tình, phứt chốc bao công trình gây dựng bấy lâu bị nó đốt cháy hết

"Ba năm đốn củi chỉ thiêu một giờ."

Tùy chỗ dụng đúng hay sai. Giải thoát hay đọa lạc đều do Ta hết thầy.

Lửa là yếu tố quan trọng trong công phu, tu luyện không thể thiếu và nó có khả năng vô lượng.

Vì vậy người tu hữu hình chấp sự theo



tướng, nhờ ngọn lửa thiêu thân đốt xác, cầu cho Phật rước về Tây phương cực lạc quốc hoặc dùng lửa đốt liêu ở trên đầu và cho đó là đã có chứng đắc đạo quả.

Điều quan trọng trong đạo pháp vô vi là làm thế nào biến Âm thần thành Dương thần, đổi hẳn tính chất thuần âm lạnh lẽo. Hành giả phải trau luyện lẫm công phu, nhiều gian khổ mới có được lửa vô vi ấy tam muội chân hỏa, thăng thượng trên đỉnh đầu.

Thần quang hiển lộ đủ đầy năng lực, một nguồn đạo sung thiêm tràn đầy nhựa sống đang cuộn cuộn tuôn chảy trong người.

Việc hành hỏa, công phu trau luyện, người tu không thể ý y khinh thường, mà luôn luôn quán xét và phải biết mình ở vào giai đoạn nào "chừng mức tu chứng" vì có lúc dùng lửa ngọn gọi là "võ hỏa", khi dùng lửa than là "văn hỏa", được ta thực hành chu đáo, trúng chơn cơ, hạp tự nhiên mới "Thành tựu viên mãn".

Chính vì chỗ sử dụng "hỏa công" năng lực của nó:

Tà... Ta hóa MA,  
Chánh giúp Ta về Cực Lạc  
Hành giả phải am tường.

## CHƯƠNG V

### MÔ - LÀ CHỈ RÕ VẬT VÔ HÌNH

Cái vật vô hình: Không Khí bàng bạc ở khắp mọi nơi trường dưỡng vạn vật. Đây là nguồn cung cấp vô tận giúp ta thở. Con người ở trong không khí cũng giống như cá sống trong nước, nó chở che bảo vệ và cung cấp sự sống. Chính nhờ có Nó để dưỡng nuôi tinh thần, chân thân của ta. Cái hơi thở ra vào nơi miệng mũi là "hô hấp chi khí" - hơi thở của phàm nhân - nhị khí âm dương, còn thở là còn sự sống, hết thở là chết. Họ chú ý đến cái chết của xác thân hữu hình, nhưng họ lại ít quan tâm đến hơi thở của mình, bởi không khí khỏi mất tiền mua, chẳng hao công phí sức, người ta vẫn có nó để thở.

Riêng đối với người tu Đại thừa, thực hành mật pháp vô vi. Thở chơn tức bằng "tiên thiên khí" không phải cái thở ra vào thông thường bằng miệng mũi. Nếu không biết phương pháp sẽ gây nguy hiểm đến tánh mạng nên kinh sách nói: Tiên thở bằng rún, Chơn hơn thở đến gót chân, ám chỉ "chơn tức". Thật khó quan niệm nổi, nếu không có công phu hành pháp thì coi việc này là chuyện hoang đường tà mị bởi vì nó vượt ngoài ngôn ngữ văn tự, không thể diễn tả được, chỉ cảm nhận và tiếp thu trực tiếp với Minh sư khẩu truyền tâm thọ.

"Nội bất xuất, ngoại bất nhập, phi bế khí già." Cái thở đó không ở bên trong ra, không ở bên ngoài vào, cũng không nín thở vậy.

Chúa cũng thường đề cập đến khi Người thuyết đạo cho các môn đồ. Lời lẽ chân thật rõ ràng đi ngay vào Mật pháp.

"Ta có một món ăn mà các người không biết" cũng như đức Phật dạy Đạo, giáo pháp của Ngài không ngoài lý vô vi thuộc tâm linh nội giới, tô bồi chân thân, dưỡng nuôi thánh thể, phục hồi Như Lai của mình.

Khi Như Lai muốn ăn: có bốn vị Thiên Vương dâng cho 4 bát báu, rồi Như Lai hiệp lại thành một bát duy nhất đựng thức ăn cho Như Lai - nhất là Như Lai không bao giờ dùng tay nhận thức ăn.

Mâu nhiệm thay! Quá cao sâu lý đạo!

Phàm nhân không làm sao hiểu được chỗ tối thượng pháp môn, nên không bao giờ có được thức ăn đó, đành phải để cho Như Lai của mình kiệt quệ đói khát. Nhưng đối với người tu thực hành "Chơn truyền pháp đạo" chắc chắn có được thức ăn của Như Lai, tự mình cung cấp đủ đầy cho Phật thân trở nên Khang kiện, không còn là điều Thiên nan vạn nan nữa. Điều này sẽ được chỉ rõ ở phần Mật pháp.

Chính vì muốn tiết lộ chỗ tối mật, tối linh của Thiên Cơ, các ngài dùng thần ngữ diễn tả nửa kín nửa hở không dễ duỗi tiết lộ ra được. "Thiên cơ bất khả lậu". Nói đầu dấu đuôi, nói đuôi dấu đầu, nên ai biết được sẽ thấu rõ máy linh tự mình vận chuyển.

Nơi Tiểu thiên địa, nhất khí ẩn tàng trong ngũ tạng, ứng hiện ra ngũ quan, trở thành ngũ khí. Một cội sinh ra 5 nhánh, đi ra để sinh hóa, nhất bốn ứng vạn thù. Người thực hành Pháp đạo phải biết gom góp đem về, ngũ khí hiệp nhất triều ngươn

thành "Nhứt khí Tiên thiên" vạn thù quy nhất, cung cấp cho Phật thân Như Lai của mình. Đây là đường lối công phu, chân tu hành đạo, dưỡng nuôi đúng thánh thể, phục hoàn chơn thân trọn vẹn nguyên hình, đến tinh minh rạng rỡ.

Việc làm này các vị Giáo Chủ Đại đạo hay các Minh sư đặc pháp lưu lại trong kinh sách, những nhân sinh hậu học chấp lời theo sự, nên không thông đạt diệu lý mật nhiệm. Phật Chúa đều chỉ ngay sự dưỡng nuôi chính yếu. Đựng bằng "bát báu", chén của Chúa để có cơm Trời bánh Phật, lo cho đời sống tâm linh. Thuộc vô vi vô tướng, khác hẳn với chén bát hữu hình để xin ăn, khát thực của thế gian, nuôi giả thân hữu thể. Tệ hại hơn ăn phải chén của Ma quỷ, bát của Nữ yêu, tiêu tan Tam bửu, đổ máu Chúa, hao huyết Phật vì thèm khát nhờn dục, no lòng đỡ dạ, theo ngõ tối vô minh yêu tình hành sử.

Thế nên việc tu hành, nếu nhân sinh không có được "Chén bát vô vi" để đựng cơm trời bánh Phật, chẳng có lợi ích chi cả, bởi mang tiếng tu mà không ra tu, lại để cho Phật Chúa đói khát lu bù đến kiệt quệ suy tàn. Thân xác đang sống nhưng chân thân chết dần chết mòn theo năm tháng. Vì vậy người tu phải có "bát báu" để cung cấp cho chân thân, tinh thần phục hưng, cái phần tinh anh ấy càng ngày càng sung thiêm đến chỗ viên dung mới gọi là "tu thân đích thực".

## CHƯƠNG VI

### A - GỒM NHÂM THỦY AN NƠI THẬN.

Con người ai cũng vậy đến tuổi trưởng thành tế bào sinh dục phát triển, sanh sanh hóa hóa, nặng nề trọng trược, chất nước sinh dục được tạo ra nơi hạ bộ gọi là "Tinh" càng có nhiều càng dồi dào sức sống, kích thích dục tình, đòi hỏi dục lạc, thú tính hoành hành mạnh bạo, ham muốn "Nam nữ" ái ân giao hợp, ăn uống phải chén của ma quỷ, thỏa mãn sự thèm khát. Nhưng lại càng khát khao thêm nữa. Thế nên bao nhiêu chất nước quý báu ấy, họ đều đem ra phung phí vui say dục lạc. Hạt giống chúng sanh của cha gieo vào lòng đất mẹ kết tụ phàm thai đúng ngày sinh ra phàm tử.

Cái nhân quả này cứ lưu truyền mãi nơi thế gian do si mê nhân dục.

Ngoài ra phàm nhân hay tục tăng dù không ái ân, chẳng giao hợp nam nữ, cứ để như thế chất nước từ trên nguồn tuôn xuống dư thừa, bị tức nước vỡ bờ, tràn trề đổ tháo, mặc dầu không tiêu xài, rồi cũng mất hết khác nào như công dã tràng, bởi vì họ không có một phương cách nào giữ gìn nó được.

Từ chỗ "Tư lự chi thần" tâm thần xao xuyên thấy bóng sắc mến ưa - giữa nam nữ gần gũi với nhau, lòng dục phát khởi, tâm khí dấy động, lại bị hô hấp chi khí âm phong thổi tới, mây mù bao phủ, mây biến thành mưa. Chất nước sinh dục tạo ra là "Giao cảm chi tinh" hay Tà tinh giao cảm, kích thích dữ dội,

thú tánh biểu lộ. Hành động ái ân, nam nữ giao hợp, kết quả sinh ra con đời. Chúa gọi họ mắc phải tội tà dâm, càng ngày càng làm đổ "huyết báu" trên cây thập tự. Âm dương hòa hiệp theo phạm pháp - ánh sáng tiêu tan. Tự giết Chúa mình hủy hoại Phật thân, lại không hay biết,... thế mà nhân sinh lại vui thích, say sưa với dục tình đến nỗi không bao giờ thỏa mãn sự đòi hỏi đó, nên họ đau khổ triền miên, trầm mình trong ao tù nhân dục. Họ thích như thế, và luôn miệng chúc nhau đắc thành sở nguyện, hưởng lạc thú "hạnh phúc ở đời".

Người chân tu hiểu rõ nguồn gốc nguyên nhân tác động do tâm, nhờ vào bí pháp, thực hành công phu, dứt ái ân nam nữ, giữ đại giới "tuyệt dục" để dành dầu đốt đèn, tâm đặng của chính mình, trở nên sáng tỏ, rạng rỡ, khi đó tinh không còn đổ tháo hao hụt nữa. Chất nước ấy được đun nóng đúng cách đủ độ bốc hơi nghịch chuyển về nguồn. "Nước ngược" gọi là Cát rượu tiên, tạo ra rượu thánh "huỳnh tương tiên tửu" uống vào sẽ đoạn dứt dâm căn, không còn khát khao hơn dục, nhờ cái nguồn mạch, dòng nước này dẫn đến sự sống đời đời. "Tinh quy thần" đời sống Tinh Thần minh bạch thiện lành, bởi họ biết chỗ dụng đúng, trúng chơn cơ. Hữu hườn vô, đọa thành siêu, càng hành càng dồi dào sung thiệm, thần quang tỏ rạng, tâm đặng chiếu diệu. Cũng như tượng thờ Quan Thế Âm Bồ Tát, tay cầm Tịnh bình đựng nước Nam Hải, đây là chất nước hồi sinh đem đến sự sống, Nam thuộc hỏa, nước có sức nóng "Dương liễu thủy" người tu phải luyện có nước "cam lồ" này.

Giờ đây ta đã rõ "Tam bửu" "Tinh khí thần"

nơi mình vô cùng quý báu và phải có bốn phận giữ gìn cái gia sản đó, không để cho hao hụt mất mát, càng ngày càng phát triển khang kiện thêm lên. Nếu trước vì mê muội không biết bảo trì phụng phí tiêu hao, nay tỉnh ngộ, lo gầy dựng tích trữ phục hoàn đầy đủ trở lại, hành động này là "Tu" tô bồi chỗ khuyết, sửa chữa chỗ hư, tạo Phật tác Tiên không ngoài "Cái sẵn có nơi mình - tiểu vũ trụ của ta".

Đó là ta biết phục đạo và bảo Đạo cho mình, cố sức thực hành công phu chính chắn, gieo nhân rồi đến hồi gặt quả là chơn công quả. Nhiệm vụ cung phụng Phật thân, dựng gầy đạo quả. Đường hướng tu thân đích thực lo cho đời sống trường tồn của mình đúng theo yêu cầu đắc thành sở nguyện, tất cả đều do ta đảm nhiệm và thực hiện.

## CHƯƠNG VII

### DI - GIỮ CHẶT BÈN BA BẦU LINH

Người chân tu phải hiểu rõ việc làm chính yếu của mình, giữ gìn tam bửu "Tinh khí thần" không để cho hao hụt mất mát và cố lo tô bồi, gầy dựng thêm cho đủ đầy khang kiện. Công phu thiết thực này đạt được mới "Tu hành đúng nghĩa, còn bằng ngược lại tự mình phá hoại giết hại mầm sinh, hao huyết Phật, mất máu Chúa, tiêu tan quý bửu". Mang tiếng "tu" nhưng thực sự không có tu gì cả, bởi vì gầy dựng cũng không, tô bồi chẳng có. Họ tốn công phí sức cực thân, mất hết thời gian rớt ròi như công dã tràng. Bởi hành pháp đi sai đàng lạc lối, "Tu hành làm mất đạo" tạo dựng vô minh - Thật vô phước và bất hạnh thay!

Ta phải rõ nguyên nhân gây ra hậu quả để kịp thời ngăn chặn, không để mất báu vật Phật ban để làm lẽ sống, tạo dựng "Hạnh phúc chân thật" của mình. Từ đó ta ra công nỗ lực thực hành đời sống trường tồn vĩnh cửu, cố lo tô bồi đắp xây, giữ gìn "tam bửu", một việc làm chính yếu công phu tu luyện của người giác ngộ biết tự độ và bảo đạo hộ pháp cho mình "Kho báu linh đó" biến chúng nó thành "Pháp bửu hữu hiệu" không tan biến theo thời gian, hằng hữu, hằng thường, trở thành vật bất ly thân, thật một việc làm khó khăn! Vì vậy người tu phải luôn luôn cảnh giác, gìn trong rồi lại giữ ngoài "gầy dựng bảo vệ," nhiệm vụ thiết yếu làm chủ trọn vẹn kho tàng

báu vật không để "Thần hao - khí tán - tinh lậu".

Tất cả đều do đâu? Có được sự thành quả ấy cũng là nhờ vào giáp sắt tường đồng, Đạo y kiên cố, bảo vệ cà sa của Phật. Áo lễ của Chúa được khoác vào không còn lo sợ, chẳng e ngại ngoại lực tha nhân xâm nhập và cưỡng đoạt của báu.

Với chân truyền bí pháp có "Bát báu" nuôi thân, "y vô vi" che chở, đủ y, đủ bát, thực hiện việc gầy dựng tô bồi, càng ngày đời sống tâm linh thêm tinh minh rạng rỡ. Điều này khác với y bát hữu hình của kẻ khát thực thế gian, thân xác no lòng, nhưng chân thân hao mòn làm cho Như Lai của mình ốm đói. Bởi họ tu theo "Sắc tướng âm thịnh" tướng hảo quang minh, hạnh đức bên ngoài chỉ tu áo đắp y, chứ không biết tu tâm dưỡng tánh. Nhưng sinh nhân nào giác ngộ biết rõ lý đạo ẩn tàng ở nơi hình tướng, hồi hướng vô vi mật pháp, áp dụng cho sự hành đạo của mình đem đến lợi ích thiết thực cho việc tu thân.

Vậy người tu phải có "đạo y" "Pháp y" để che chở giữ gìn phật thân, ngôi tam bảo của mình. Ba báu linh "Tinh khí thần" kết thành vóc Phật.

Tự ta phải thực hành,

Quy y phật Thần thành "ngươn thần",  
 Quy y pháp Khí thành "ngươn khí",  
 Quy y tạng Tinh thành "ngươn tinh",  
 Ngươn thần, ngươn khí với ngươn tinh,  
 Ráp lại lâu lâu nó tượng hình,  
 Phá cửa linh đài vào bái Phật.  
 Ngũ hành hiệp nhứt rất màu linh.

Người hành pháp công phu gom góp tam bửu trở về nguồn cội ban đầu. Tinh khí thần hiệp

nhứt "Quy tam bửu" kết thành thánh thể, tự Ta tạo Phật, tác Tiên, nên Thánh đều do ta thực hành đúng chơn truyền. Y bí pháp không ngoài Tiểu vũ trụ này, một kho tàng bảo vật, vạn bửu nang của Phật ban cho. "Vườn nho" của Chúa dành sẵn, đủ đầy phương tiện giúp ta thực hiện đường lối tiến tu, phản hồi cự vi, trở về nguyên bản. Phàm nhân sống theo ngoại cảnh, tâm phan duyên không ổn định, thần trí nương theo các cửa đi ra hồng trần theo ngõ rộng rơi nơi khổ hải, ái hà, trầm mình trong ao tù dâm dục. "Con đường đi ra" là "Sa và đọa" khiến cho thần hao, càng ngày càng kiệt quệ mất sáng "Tự lực chi thần".

Mắt thấy sắc cái đẹp cái xinh quyến rũ,  
 Tai nghe thính lời ngon tiếng ngọt mển ưa,  
 Mũi ngửi mùi hương, thơm tho kích thích,  
 Lưỡi nếm vị đời ham muốn,  
 Thân dựa kề da mát thịt mềm.

Ôi! biết bao nhiêu điều hấp dẫn lôi cuốn khiến con người mất hết tự chủ phóng ngoại thể trần, càng ham muốn càng đau khổ, chất chùng thêm mãi. "Hô hấp chi khí" cái thở của phàm phu, ra vô nơi miệng mũi, ngọn gió thổi vào lửa dục bùng cháy, tham, sân, si nổi dậy nung nấu tâm can. Họ không phương dập tắt hoặc chế ngự được "tà thần", hỏa diệm sơn thiêu đốt chân thân, mất đi sự sống, người đời phải đầu hàng xuôi tay đón nhận sự diệt vong, cứ lao mình vào biển lửa. Lửa dục, lửa tình vô minh hành sử dâm tình kích động để thỏa mãn sự thèm khát. "Dâm thủy" sinh ra "chất nước phàm phu." "Giao cảm chi tinh" hạt giống chúng sanh thành hình sẵn sàng để gieo vào mảnh đất tình làm đổ tháo, tiêu

hao. Ngọn đèn bị lũng đậy, chảy hết dầu "Tinh khí thần" kiệt quệ. Hành động đó là tự giết mình không hay biết, lại cứ lo tận hưởng dục lạc ái ân. Đóng đinh Chúa trên thập tự giá, âm dương hòa hợp theo tà pháp làm đổ huyết báu mắc tội tà dâm, đồng tình với lũ quỷ ma.

Vì vậy người tu công phu như thế nào để giữ bền báu linh - không hụt chẳng hao, lại càng tăng trưởng dồi dào, Tinh đầy Khí đủ. Thần quang tỏ rạng, muốn thế phải đổi hướng thay chiều, đổi nghịch lại. Không phóng ngoại quay về nội tâm, đi vào ngõ hẹp hữu vi-hữu tướng, hữu tướng vô tướng vô vi, gom về là "Quy và hiệp" các cửa không còn bỏ ngõ, mở rộng nữa. Cũng chẳng phải đóng kín mà nay lại được khép lại theo chiều hướng về bên trong, đúng "tâm pháp bí truyền" mắt nhìn vào trong, tai nghe vào trong, lưỡi nếm vào trong, thở chơn tức - tứ tổ quy gia. Bốn phương quy hợp một nhà cũng là "Tứ Thiên Vương" dâng bốn bát báu để Phật làm thành một bát duy nhất đựng thức ăn của Như Lai - cung phụng cho Tam bảo "Tinh khí thần của mình". Đây là tô bồi chân thân, phục hoàn thánh thể.

Bồi - Đi ra là đọa lạc.

Trở về là siêu thăng.

Chơn thần, nương Chơn khí, dẫn đến gặp Chơn tinh. Lửa thiêu đậy chảo. Nước sôi động không còn trạng thái nguội lạnh - Thuần âm. Cái chất nước ấy nay nóng đúng độ, bốc hơi bay bổng biến thành "Chơn khí dương tinh", dầu được bơm lên "Mãng sông" đủ sức gặp lửa cháy bùng.

Ngọn đèn tâm linh của mình nay được phục

hoàn cháy sáng, cái thể vóc tinh anh ấy phải giữ gìn không để cho hao hụt, càng ngày càng sung thiêm tràn đầy sức sống gọi là "Phục đạo" từ chỗ chết trở về cảnh sống. Người tu phải thực hiện cho bằng được cái công phu chính yếu này mới khỏi hao công phí sức vô ích và hành đúng nghĩa của chữ tu, thoát cảnh tối tăm mê muội.

Chính Chúa cũng khẳng định trong khi dạy đạo, tỏ rõ máy linh, công việc phải thực hiện đối với người chân tu giải thoát.

"Quả thật quả thật - Ai ăn thịt Ta và uống huyết Ta mới vào nước thiên đường".

Đây là chân lý hoàn toàn, vạn cổ bất dịch không thay đổi bởi pháp ý của Ngài chỉ rõ máy linh, điều kiện tất yếu để tạo tác ánh sáng, phục hoàn chân thân không còn bị thối chuyển lu mờ. Ở điểm này người nào chấp vào văn tự khó nhận ra diệu ý rồi nghi ngờ chỗ tối mật bí yếu của Đạo pháp, nên họ không lãnh hội được gì cả và lại nặng mang lăm điều nghi vấn trong lòng.

"Thịt Chúa" đâu mà ăn? "Huyết Chúa" đâu mà uống? Như vậy họ đành cam đọa lạc sống trong cảnh địa ngục tối tăm mãi sao? Nhất là Chúa đã sống cách đây gần 2000 năm làm sao gặp Ngài để chia thịt, lấy huyết. Thật khó hiểu đối với họ!

Những người hành tâm pháp rõ thấu máy linh nơi mình. Thịt Chúa là lửa. Huyết Chúa là dầu. Ngọn đèn tâm linh, có lửa có dầu bùng cháy sáng, không bao giờ tắt - "Sáng tỏ muôn trùng" có cuộc sống đời đời là như thế ấy! Chính ngọn lửa thiêng đó phá tan đen tối, cảnh giới quang minh hiện ra. "Sáng

là thiên đàng, Tối là địa ngục." Ngọn đèn lòng đủ đầy huệ lực chiếu minh rạng rỡ tinh thần vững mạnh sung thiệm. Lời Chúa ta phải thực hành cho bằng được, mới tham dự Thiên đàng tâm, tận hưởng Cực lạc quốc của chính mình.

Khi phó truyền "Y-bát" cho Lục-tổ Huệ-năng Ngũ tổ "Huỳnh Mai" kệ rằng:

*Hữu tình lai hạ chủng,  
Nhơn địa quả hườn sanh,  
Vô tình diệt vô chủng,  
Vô tánh diệt vô sanh.*

Đây là đoạn kệ quan trọng nhất đủ đầy lẽ tất yếu. Chỉ vòn vẹn có bấy nhiêu đó, Huệ Năng hành đúng chơn truyền trở thành vị tổ thứ sáu sau khi thông đạt pháp ý vi diệu ẩn tàng do thầy chỉ dạy, Ngài ra sức hành trau. Tự tu, tự luyện, tự chứng đắc. Biết rõ việc làm đi ngay vào nguồn cội trong tâm nội. Lấy vô vi làm nền tảng căn bản để hiểu đạo và hành đạo. Ngài quả quyết đừng nên phóng ngoại kiếm tìm đạo, khác nào mong cầu lông rùa, sừng thỏ, không bao giờ có. Hãy trở về với ta, tìm đường lối trong ta. Tất cả sẵn có nơi tiểu vũ trụ này. Muốn tu đúng đường, hành đúng lối. Ta nên noi gương Lục Tổ. Từ không ra có. Cái có đó mới chân thật, ngu dốt nhưng không ngu dốt gì cả, đúng đạo lý vô vi, không bám trụ ở một vị trí nào. Hữu lẫn vô trên một vòng pháp luân, thiên cơ vận chuyển nên rất linh hoạt.

Ta hãy tìm đạo nơi lòng, hành cho đúng lẽ vô vi tâm truyền "Bí pháp" Đạo thị hiện.

Phật tiên thân thánh trong hình phàm phu Từ phàm nên Thánh, chúng sanh thành Phật, biến

khổ đau phiền não thành ra an vui phúc huệ, giải thoát trong một kiếp vi nhân này.

Có tình: Tự ta gầy dựng một cuộc gặp gỡ giữa "âm dương" liên kết chúng nó lại trong ta, cuộc hội ngộ giao hòa này gọi là Tình Đạo. Tiên Đồng-Ngọc Nữ yén ẩm với nhau say sưa nồng thắm. Đây cũng là đám cưới của Chúa gọi là âm dương hòa hiệp, theo chánh pháp chơn dương chơn âm hiệp nhất.

Chính người hành pháp trau đạo phải thực hiện cho được sự liên kết đó. Bắt nhịp cầu thông hiệp - có gạch nối liền đó là làm nên đại sự, gây giống Thánh, cấy Bồ Đề Chủng, biến hạt giống chúng sinh trở thành hạt giống thánh, gieo vào miếng tâm điền, đất lòng của ta "Thánh thai kết tụ, vóc thánh thành hình, đúng theo chơn cơ tạo hóa sẽ sinh con Trời, đẻ con Tiên, hiện Phật tử". Rồi ngày qua đêm lại bánh phép chuyển xoay lớn dần theo năm tháng. Người tu phải thường xuyên theo dõi và biết cách dưỡng nuôi Nó.

Để lý giải chỗ tối mật bí yếu của máy linh "tạo hóa chi cơ", mượn chỗ dễ thấy biết để tỏ rõ chỗ chưa thấy biết, giúp cho người tầm tu dễ cảm nhận. Nhất là đừng nên thần thánh hóa sự việc rồi đi vào mê tín dị đoan, xa rời trung đạo.

Ta ra sức thực hành công phu gầy dựng lửa, tạo hỏa công, lửa điện trong ta. Khối chơn dương thân hỏa, chính nó là động lực xây bánh phép, chuyển pháp luân làm máy chạy. Trước thì nước lửa cách xa, âm dương chia lìa, lửa dầu không gặp, một cặp âm dương, đôi ngã đôi đường. Thiên đàng địa ngục cách xa ngàn trùng - Lửa ở trên đầu, Dầu ở dưới

bụng, cứ tuôn chảy mãi, bởi lẽ thượng hạ bất thông, chồng vợ chia lìa sống trong cảnh cô đơn.

Trong Tây du truyện, nói mắc phải bịnh "song điều thất quần" hai chim trống mái lạc bầy âu sầu thảm thiết - Làm sao hòa, thế nào hiệp đây, để vui vầy cộng lạc? Thật là thiên nan vạn nan, đối với phàm nhân không thể thực hiện được.

Những người hành pháp đúng chơn truyền có được "chìa khóa duy nhất" chiếc cầu thông hiệp - nứt khí tiên thiên - "Kim-Chảo" làm môi giới giữa nước-lửa, tinh thần, nay biết dùng lửa thiêu đáy chảo, nước nóng sôi động, bay bổng. Nước có độ ấm nóng, nước lửa giao hòa, "Tinh thần giao hợp" - không còn lạnh lẽo cô đơn. Khi đến lúc bốc hơi gặp lửa điện biến thành ánh sáng. "Tinh quy thần" hạt giống chúng sanh nay trở thành hạt giống thánh, bỏ đờ chơn chủng và được gieo trồng đúng cách, chăm sóc chu đáo phát triển tốt tươi rồi sinh hoa kết quả, khổ cực gieo trồng đến hồi gặt quả "Chơn công quả". Quả bỏ đờ của người trau đạo cái sáng được tô bồi trọn vẹn nguyên hình - trước sau gì cũng có. Ta không nên làm trái tự nhiên sai máy tạo, không hợp với chơn cơ. Vì muốn mau thành chóng đạt, tất nhiên lãnh lấy thất bại hư hoại gọi là "Sẩy thai" người hành pháp không được thái quá hoặc bất cập chẳng đúng lẽ trung dung của đạo pháp.

Còn đối với người tu không trúng chơn truyền, chẳng có được "y bát" báu, không sao kết hợp âm dương, nào có đạo tình chan chứa "Vô tình đạo" tinh thần riêng rẽ, lửa dầu không gặp, đèn không cháy, máy không chạy, chết nằm một chỗ, dù muôn

đời cũng không có kết quả gì. Cô âm bất sanh, độc dương bất trưởng. Ở trường hợp này trong tư tưởng "Lão Trang có đề cập tới" lũ gà mái không chịu trống cũng đẻ trứng, cứ ấp ủ mãi, chẳng sanh nở gì cả, chỉ làm mồi cho bọm nhậu chè chén say sưa. Do đó nếu không gây được sự liên kết âm dương của chính mình để tạo ra ánh sáng, việc tu hành sẽ không có kết quả.

"Không tánh cũng không sanh" càng tu càng hao hụt, mất mát tiêu tan-sự sống chẳng còn, Chúa dạy rõ: "Ai có ta cho thêm, ai không có ta lấy cái có của nó" như thế tu hành mù quáng, đã từ bỏ đời, mền đạo, nhưng rồi tự họ xa đạo và mất đạo, tốn công phí sức, cực thân, nhưng chẳng sanh ánh sáng trí huệ chi cả. Đèn lòng của họ cạn dầu, nhiên liệu hết, leo lét sắp tắt báo hiệu cảnh nguy vong trước mắt. Dù biết rõ như thế nhưng họ đành bó tay, bởi họ không có một phương cách nào phục hoàn, tái sinh lại được phần quang minh ấy "đèn tắt lửa" vô minh ngập tràn.

Để giải rõ hơn phạm nhơn hoặc người tu không đúng chơn pháp do cơ đọa lạc "thần khí tinh" thuận chiều đi xuống, trút nước đổ tháo, càng sanh càng hao hụt, cái dòng suối ấy lâu ngày khô cạn, lại thêm lửa lò thiêu đốt. Lửa đục, lửa tình nung nấu "tam bửu" trở thành tam độc giết hại mầm sinh, hủy diệt sự sống làm mất đạo.

Nếu họ đang chơi với may duyên gặp chân truyền, ngộ phùng chánh pháp khác nào người sắp chết đuối giữa biển khơi vớ được chiếc phao, nương đó để vào bờ, nhưng phải tận lực, gắng sức lái vượt biển.

Người tu nhờ có bí pháp chân truyền luyện



trau, hiệp âm dương, xây bánh pháp, đúng theo chơn cơ tạo hóa để sanh thành trí huệ. Bộ ba "tinh khí thần" quy kết. Tam huê tụ đánh ứng dụng đúng phép "Di lư hoán đánh" thay lò đổi chảo.

Trước lò thần nước tinh,  
Chảo khí nay lò khí,  
Nước tinh chảo thần.

Ta đem chơn hỏa "thần" gầy dựng được thiêu đáy "chảo kim" khí. Tinh: nước sôi động mất ngay tánh chất thuần âm lạnh lẽo của tinh giao cảm trở nên đầm ấm độ nóng tăng dần. Nước bốc hơi chơn khí dương tinh nhẹ nhàng bay bổng, siêu thăng thượng giới trên đỉnh đầu. Chỗ non tiên núi thánh gọi là Tu Di, Hy Mã Lạp sơn, Si Nai... v.v... sẽ gặp Phật chúa. "Khối lửa điện" hơi dầu lên "Mãng sông" có lửa bùng sáng, hào quang rực rỡ, biểu tượng hai con thần long đầu đầu sanh trái châu ở giữa lưỡng long tranh châu - "Long hoa", hiển hiện pháp thân. "Chúa hóa hình trong kinh thánh". Hình ảnh Chúa Phật có vàng hào quang trên đầu - ngọn đèn trời chiếu minh rạng rỡ.

## CHƯƠNG VIII

### ĐÀ - SÁNG SẮC VÀNG TRÒN KHẮP CẢ

Người tu thực hành chánh pháp đúng chơn truyền, y pháp đạo, gom góp quý báu, "Tinh khí thần" của mình không để cho hao hụt mất mát. Tự họ cố lo gầy dựng chân thân, phục hoàn thánh thể, nhờ y bát bảo vệ dưỡng nuôi đúng lẽ đạo, hạp tự nhiên trở nên Khang kiện sung mãn. Tinh đầy khí đủ "Thần minh" tự mình chứng ngộ "đèn lòng- tâm đăng" phục hồi trở lại gọi là "tái sinh phục đạo", tạo tác Bát Nhã kết quả viên thành tinh khí thần hiệp nhất trên thượng đánh sanh quang, ngôi tam bảo vững vàng, hào quang rạng rỡ, nhà tâm sáng tỏ cảnh giới quang minh, không còn đen tối nữa.

Công phu này phải thực hiện cho bằng được mới gọi rằng "tu", nếu không là phá hoại, giết Chúa hại Phật, của mình tam báu mất tinh khí thần kiệt quệ.

Bởi lẽ có đèn ắt sáng - không đèn ắt tối.

Sáng là Thiên đường, tối là Địa ngục. Vậy ta phải làm cho ngọn đèn sáng tỏ trở thành huệ đăng - Từ chỗ mờ lu u tối đến chói sáng rạng rỡ. Tự mình gầy dựng trí huệ, tạo thuyền bát nhã, gieo giống thánh, cây giống bồ đề là ở chỗ này. Tuy dùng nhiều từ ngữ khác nhau để diễn tả, nhưng thực hành chỉ có một "Tạo tác ánh sáng" tuy sáng, nhưng còn tùy theo cường độ của nó, như cái sáng của "sao" trên trời trùng trùng điệp điệp, ban đêm tượng trưng cho

"thấy biết của chúng sanh, nhãn giới của thế tục".

"Kẻ ngu thấy biết làm nhiều", cái sáng của mặt trăng, tri kiến của Bồ tát soi tỏ về đêm, khi tròn lúc khuyết không rõ nét bị thối chuyển. Nhưng khi bình minh đến, nhật diện lộ hình "thái dương minh chiếu" ánh sáng rực rỡ, một khối lửa tròn đầy không khuyết, không voi, hằng tròn mãi mãi, đạt quả vị bất thối chuyển, thấy biết của Như Lai. Nhãn giới của Thiên chúa - "kẻ trí thấy biết làm một". Như Nguyệt tinh sinh ra ánh sáng là Quang với bí pháp luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần. Khối lửa điện ấy phát ra ánh sáng rực rỡ thể hiện con đường hành đạo, công phu của người tu. Càng ngày ngọn đèn đêm tâm linh chiếu minh thông suốt. Chính nhờ có sáng ta mới thấy biết và khi đạt tới thật trí của "trí huệ". Thấy biết tất cả và có tất cả. Đạo thị hiện rõ ràng, không còn là điều ảo vọng, nay trở thành sự thật hiển nhiên. Người tu chứng ngộ và đắc đạt, một việc làm ngoài khả năng của phàm nhân. Thành quả ấy không phải một sớm một chiều có được. Ta phải dày công tu luyện, gian khổ hành trau, không do ngoại lực tha nhân ban bố. Tất cả đều do ta đảm nhiệm thực hiện.

Khi giảng đạo chỉ chỗ mật pháp cho môn đồ, Đức Phật ngày xưa cũng không dấu, mượn lời bày lý dùng những cái hiện hữu dễ hiểu, dễ biết, để dẫn dắt họ vào "mật pháp vô vi" nghĩa là đi từ tướng trở về tánh.

Nếu các nhân sinh nào giác ngộ thấy được "cái vô" nằm trong "cái hữu" biết rõ và thực hành đúng pháp ý. Đây là phần thưởng xứng đáng cho họ "nuơng hữu tìm vô" lấy hư hiểu thật, mượn giả hành

chân, chính là đường lối giáo nhân hồi bản của Ngài.

Còn những nhân sinh nào mê muội chấp hữu bỏ vô, bám hư lìa thật sẽ bị vật chất đầy lấp tâm linh, chỉ thấy biết hữu, ngoại giềng dẫn dắt họ sa vào bàng môn, rớt nơi tả đạo trở thành mê tín - dị đoan, xa rời trung đạo. Bởi "hữu tướng tâm" che lấp đắp lên khiến "vô tướng tánh" không thể bộc phát nào thấy biết chân thật được.

Một sự kiện quan trọng diễn ra ngay trong Phật kinh có nói đến chỗ năm anh em "Kiều-Trần-Như" trong việc hành đạo của Như Lai-Phật thật nơi ta. Chúa Thánh của mình trong cái tiểu vũ trụ này.

Đồ chúng bạch Phật tại sao trống pháp khởi đầu tiên "năm anh em" này được hóa độ trước. Phật dạy rằng: Năm người này lúc trước đã nhờ huyết ta để sống nên trống pháp khởi đầu tiên, năm người của họ được cứu độ trước.

Ta nên nhận rõ chỗ lý "đạo ẩn tàng", đừng chấp vào lời, "kinh hữu tướng" tưởng tượng rằng có năm người danh xưng như thế kia - rồi hiểu theo sự - bị kinh chuyển xa rời chân lý đạo.

Kiều = cầu.

Trần = trần gian thế sự.

Như = Chơn như tự tánh mình.

Đây là biểu tượng 5 giác quan của ta trong xác thân này.

Nếu người sống theo đời phóng ngoại buông lung - Cây cầu này có chiều "Từ chơn Như ra hồng Trần" xa cội ly nguồn. Nhứt bản ra vạn thù, đem của báu, máu của Phật tiêu hao phung phí - ngũ khí kiệt quệ, ngũ quan không còn linh hoạt. Tự mình làm mất

sinh lực hủy hoại sức sống. Người tu lại sợ các cửa không kèm chế nổi, xem đây là năm kẻ phá hoại gây nguy hại "ngũ quý dấy động". Rồi họ dùng tà pháp khổ hạnh, bịt tai, nhắm mắt, khép miệng, tịnh khẩu, đứng một chân để chịu đựng, nhịn ăn nhịn, khát để cho kiệt sức mất hết năng lực để dễ kèm chế và sai khiến nó. Thế mà phần đông các người tu hữu tướng đều áp dụng như thế để hành đạo tu thân, tưởng rằng đây là đường chánh nẻo chân, giúp họ làm chủ thân tâm. Thực ra việc làm này gây nguy hại không lường được, thân xác tiêu sơ, tinh thần lụn bại, bởi vì họ theo đường lối "khổ hạnh" mất hết nguồn sinh, tiêu tan sự sống, chết dần chết mòn theo năm tháng. Họ không điều nhiếp các giác quan, chẳng đủ năng lực chế ngự "tự bế ngũ quan" càng nguy hại hơn, trái lẽ đạo, chẳng hợp tự nhiên, xa Phật, cận kề lũ quỷ, đen tối ngập tràn cơn mang nan y tật bệnh - mù đui câm điếc bại xứ cùi phong "tâm trần bệnh" việc làm này tiêu tan báu vật, mất đạo từ đây.

Người tu hành tâm pháp biết dụng "ngũ quan" ấy, tất cả đều do đó làm nên, bằng cách từ hồng Trần, quy hướng Như Lai của mình. Từ vạn thù quy nhất bốn. Hữu vi hữu tướng hồi hướng vô tướng vô vi, gom góp phục quy gây dựng đạo, tạo ra ánh sáng kết thành những cây cầu bắt từ "hồng Trần liên lạc với chân Như", theo chiều đối nghịch lúc trước, để tích trữ của báu, tăng thêm dồi dào, huệ lực phục hồi, phát huy đúng mức ngũ quan trở nên thông suốt thành "Năm vị A LA HÁN", giúp ích đắc lực cho Như Lai làm tôi hiền trò ngoan trong việc cứu độ giải khổ chúng sinh nơi lòng, khác nào ngũ hổ tướng chống

giặc ngàn thù, giữ yên bờ cõi cho đấng Quân vương ngự trị sơn hà xã tắc được thái bình an lạc.

Với tâm pháp vô vi người tu điều nhiếp được các giác quan, không còn lo sợ, cấm chế ngăn chặn như trước nữa, nay được thánh hóa từ phàm nên thánh. Yêu tinh thành phật A LA HÁN kết tụ quy nguyên "một khối sáng tinh anh" rạng rỡ "Như Lai" tánh thể hiện toàn khắp, soi thông cả thấy, thấy biết chân thật, nan y bệnh tật chẳng còn. Đây là công phu trau luyện của người chân tu, thực hành tâm pháp, hồi quang phản chiếu vào nội tâm để tạo tác Bát Nhã. Ngũ khí ẩn tàng trong ngũ tạng, ứng hiện ra ngũ quan và ra ngoài là ngũ thức. Nhãn thức mắt thấy, nhĩ thức tai nghe, tỷ thức mũi ngửi, thiệt thức lưỡi nếm, thân thức tiếp xúc đụng chạm. Nay nhờ dùng mật pháp vô vi "Quy và Hiệp" mắt nhìn vào trong, tai nghe vào trong, lưỡi nếm vào trong, thờ chơn tức gom nhóm làm một. Tứ tổ quy gia "Nhứt khí tiên thiên" dưỡng nuôi thánh thể, Như Lai của mình. Tứ Thiên Vương dâng cho 4 bát báu, Như Lai hiệp lại thành một bát "đựng thức ăn" không dùng tay nhận thức ăn ấy - lời nói quá màu nhiệm cao siêu. Phàm nhơn không sao có được đành để Như Lai của mình đói khát cho đến kiệt quệ.

Chính nhờ có Mật pháp chơn truyền tu hành đúng trúng chơn cơ là có tất cả. Bát nhã gia tăng, Ánh sáng phục hồi, chuyển Thức thành Trí không còn là khó khăn, tự người tu hành và chứng đắc rõ ràng.

Ngũ thức, cái thấy biết của năm giác quan, nay hoán cải thành ra Sở Thành Tác Trí, cơ sở tạo tác đắc thành trí huệ. Khi ta tu luyện, chuyển pháp luân,

đắc quả vô lậu, không còn vương bận do sắc tướng bên ngoài nữa. Tâm kinh thể hiện, mắt thấy cũng như không thấy, tai nghe cũng như không nghe, biết cũng như không biết, giao hòa với chân như bản thể, nắm mỗi câu vào nhau hiệp với cội nguồn. Kinh thường nói đến chỗ Ngũ khí triều ngươn, phục hoàn tâm, gầy dựng tánh Phật chỉ rành cho biết đường lối vận hành máy linh "không tức thị sắc, sắc tức thị không" đi từ chân vô ứng hiện ra diệu hữu. Không ra có, nếu ta "chấp có" chỉ được nửa vòng pháp luân; nghịch hành tâm pháp phải biết thấy "có đó như không" thêm nửa vòng, đủ đầy tròn vòng đạo.

Đạo ra pháp, Pháp trở về đạo, luân hành chẳng bám trụ. Xoay cũng như không xoay nên nói không mà có, có mà không, thông hiểu chỗ bí ẩn của máy linh thiên cơ mật nhiệm. Khi đó người tu không còn đắn đo nương pháp, rõ đạo sự thật trước mắt lộ bày, nhờ ngũ quan thông suốt.

Một điều quan trọng ở bên trong, trụ cốt vận hành là "ý thức" nên hư gì cũng do nó cả. Chính đây làm chủ mọi hoạt động, khi tiếp xúc với bên ngoài, nếu ứng dụng sai tác hại vô cùng. Việc làm do nó gây ra là phá hoại tiêu tan mất mát, còn dụng đúng lại tạo tác đắc thành nhờ bí pháp người tu trau luyện, cải tạo giáo hóa và thăng phục được Chúa yêu, toàn thể tiểu yêu phải quy hàng. Từ phạm nên thánh, chúng sanh thành Phật-Vô minh sanh trí huệ. Bất nhã càng ngày càng được tô bồi thêm.

Ngộ Không dụng phép phân thân sanh ra không biết bao nhiêu Tề Thiên Đại Thánh, thế nên người tu khi điều nhiếp được "Ý" khiến nó quy phục

là nên việc cả và dùng vi diệu pháp có ứng dụng cũng như không ứng dụng, chẳng rời trụ cốt chân như. Không chấp có, chẳng chấp không "không có có không" làm thành một vòng đạo hằng xoay vận chuyển, chẳng có trước chẳng có sau, một màu mật nhiệm. Thấy biết cả thấy không còn vương bận gọi là "Diệu quan sát trí".

Từ đó xuất nhập ứng dụng, có ra có vào cái thấy biết ấy là "Truyền tống thức." Cũng nhờ thành quả công phu tu luyện đắc quả vô lậu, không phô lộ, có xuất cũng như không xuất, có nhập cũng như không nhập, chẳng bị ngoại cảnh chi phối, nghiêng chinh chi cả, không ảnh hưởng bởi ngoại lực tha nhân cái dụng của nó đến chỗ bình đẳng, trang bằng xuất sinh "Bình đẳng tánh trí". Cái thấy biết của chơn như tự tánh hằng sáng hằng soi, hợp lẽ tự nhiên.

Chính chỗ ra vào có xuất có nhập, cái kho chứa đựng tích lũy cái biết ấy là tàng thức, phải thánh hóa hoàn toàn, không còn một phần đen tối nào cả, nghĩa là trong sáng thông suốt chẳng bợn nhơ, không vẫn đục, có chứa cũng như không chứa, không chứa mà chứa, tất cả đúng đạo lý vô vi.

Chính từ chỗ không không ấy xuất sinh diện hữu, thanh tịnh trí huệ, cảnh giới chân thật lộ bày, thấy biết tất cả, đạt tới thật trí của trí huệ, cái khối sáng chân thuần ấy minh chiếu tận tường soi thông cả thấy, chẳng có vật thể nào ngăn che, toàn giác toàn minh thể hiện "Đại viên cảnh trí" tiếp thông với nguồn giác, liên lạc với nguồn sinh, hoàn cảnh nào cũng giác tỉnh tinh minh, đi đứng nằm ngồi gì cũng thiên đến chỗ thấy một rõ ráo, pháp đạo hoàn

nguyên, thể dụng tương đồng, ngoài trong như nhứt, càng hành càng sáng, cái sáng đến tột bực "Vô thượng trí giác." Ngọn đèn bất tận, chiếu minh nơi nội giới tâm linh của ta, tức thì hiểu, tức thì biết, trực thức, trực nhận do "Trực giác tinh minh" tự ta sẵn có pháp bửu hữu hiệu bên mình đem ra ứng dụng bất cứ lúc nào khi cần đến không còn vay mượn bên ngoài, trở thành vật bất ly thân "Tự hữu hằng hữu" khác nào Nhiên đăng cổ Phật, trong tay sẵn có châu Định Hải Châu. Tràng hạt bát nhã 108 hạt, nhứt bá bát huyền công, có quyền năng tột độ, oai linh đủ đầy chính đây là phương tiện duy nhất "Bát nhã toàn" đưa ta qua bờ giác - Đại trí huệ đăng bĩ ngạn.

## CHƯƠNG IX

### PHẬT - HAY THANH TỊNH Ở NƠI MÌNH

Người tu chơn, hành pháp nhận thức rõ ràng việc chính yếu cần phải làm để thực hiện việc đầu tư quan trọng của đời mình - tạo tác trí huệ không ngoài bản thân ta, một tiểu vũ trụ có đầy đủ tất cả.

Ta phải có bốn phận trở về nơi mình để tìm đạo, hiểu đạo, rời hành đạo và đắc đạo. Người tu phải hăng hái, quyết tâm hành trau đến thành công trọn vẹn để khỏi phải phí uổng một kiếp nhân sinh quý báu.

Đường lối tu thân thiết thực trở về nơi mình để tô bồi chỗ khuyết, sửa chữa chỗ hư, giải trừ ô nhiễm để có được cõi lòng thanh sạch thiện lương.

Điều này Đức Lục tổ Huệ Năng đã hằng chỉ rõ, tìm đạo ngoài lòng như cầu lông rùa sừng thỏ không bao giờ có. Đó chỉ là ảo giác của lòng mê.

*"Bồ đề chi hướng tâm mịch*

*Hà lao hướng ngoại cầu huyền."*

Ta cần phải tìm hiểu nơi mình, bởi vì ta có hiểu nơi mình, biết nơi mình, thấu triệt tâm tư nguyện vọng của chính mình, để rời sửa chữa mới tu tiến được. Ta có hiểu biết nơi mình, mới hiểu được thế gian và vạn vật; còn bằng ta không hiểu biết nơi mình, ta không hiểu biết gì ráo. Do đó ta biết một là biết tất cả, hiểu một là hiểu tất cả, tất cả là ta, ta là tất cả. Tất cả là cái đạo nơi ta, ta phải thực hành để đạt đạo, phát triển thành sự sống và sự sáng, tự do ta

đảm nhiệm và hoàn thành một cách vinh quang.

Đây là con đường sáng dẫn đến sự sống, chúa đã chỉ rõ: "hãy vào ngõ hẹp vì ngõ rộng dẫn đến sự hư mất, kẻ vào đó thì nhiều, ta bảo các người hãy vào ngõ hẹp dẫn đến sự sống đời đời," pháp ý tỏ rõ đường vào tâm nội để tô bồi, tích lũy theo vô vi lý đạo - vạn thù qui nhất bản là tâm pháp thực hiện để làm chủ cái ta, ngự trị bản tâm mình.

Vì vậy người ta phải trở về nội tâm, điều nhiếp các giác quan, qui hồi, không còn vọng ngoại buông lung theo ngõ rộng hồng trần làm tiêu hao của báu.

Nhờ tâm pháp hành trau, ta đắc đạt tâm kinh, trở về bản thể thanh tịnh của tự tâm. Vì vậy khi nói đến tham thiền tịnh tọa, người có tâm hữu tướng chấp nhứt trụ vật cho rằng tịnh là ngồi yên thính thít, chẳng cử động chi cả, cố giữ cho tâm thanh tịnh gọi là tịnh hư vô; họ ngồi bất động theo tư thế kiết già chấp vào chỗ ung tịnh; khác nào như bàn ghế bất động, vô tri vô giác, chẳng có thực dụng, không sinh hóa chi cả. Trụ ở "vô ký không" họ hành không có kết quả, trong khi thân xác hao mòn, suy nhược, mang lấy bệnh tật vào thân, chân yếu đi đứng không vững; còn về mặt tinh thần đi đến chỗ khánh tận: thân hao, khí tán, tinh lậu mất hết sức sống.

Việc tọa thiền này các vị hành trau mong trấn áp cái tâm, gò bó cái trí, không cho nó dấy động để được thanh tịnh, nhưng không có đáp ứng lòng mong muốn ấy, trái lại tâm vẫn loạn động, thần trí theo các cửa phóng ngoại tứ tung, khiến họ đành bó tay bất lực, không đủ sức điều khiển. Lại có một số vị muốn

tách khỏi đời xa rời cõi tục tìm đến nơi thanh vắng để nhập thất, nhập bá trong am cốc, tịnh đường, lo thiền tâm, quán tưởng chỗ tịnh. Họ hành thân ép xác trong thời gian ấn định của việc nhập thất, nhập bá.

Việc làm này trái với tự nhiên, không hợp với lẽ đạo, ngược hẳn với máy trời họ lại càng đau khổ thêm; bởi vì họ tự biết rõ không có kết quả nào với đường lối tu tịnh này. Thiên đàng đâu? Đạo quả đâu? Họ chẳng thấy, trong khi hiện tại thân xác bị giam cầm chốn tịnh thất thiền đường, nhất là mãn thời gian tu tịnh, họ lại tiếp giáp với đời vẫn còn lòng phàm tính tục y như trước, tâm trí u mê, phiền não, khiến họ đảo điên không dứt.

Một số vị thấy hành thiền như thế này chẳng tịnh tâm định trí được, nên tìm vào sách kinh lưu truyền để thực hiện việc thiền tâm bằng đường lối "Quán thân bất tịnh" chú tâm vào chỗ động.

Họ không rõ được chỗ "Quán thân bất tịnh" lại ứng dụng với lòng phàm để đo lường ý thánh, làm sao kham chẳng hiểu gì hết. Họ cứ chấp vào chỗ động của phàm phu, khiến cho cả thân tâm điên đảo, kích động liên hồi, vận dụng nơi bụng đến nỗi phải ói mửa, thật rất nguy hiểm cho việc quán bất tịnh này, họ ngán ngẩm khi nói đến việc xem kinh đại thừa để tìm chân pháp.

Đây là đường lối tìm đạo trong sách vở nên không bao giờ có được đạo.

Những điều như trên cho ta thấy việc tham thiền chấp vào chỗ tịnh hay động điều nằm ở lưỡng biên tương đối, không hợp lẽ đạo, trái với tự nhiên, nào đúng với chơn cơ máy tạo nên không sanh hóa

chi cả.

"Cô âm bất sanh,  
Độc dương bất trường."

Đây là trường hợp các vị tu bị vương mắc ở tâm hữu tướng che lấp không cho vô tướng tánh bộc phát. Do đó họ không thể nào hiểu được chỗ tối linh tối diệu của thiên cơ mật pháp.

Nhất là họ chẳng có chân truyền dễ khởi động máy linh, nên họ không thể nào quan niệm nổi "quán bất động" là như thế nào? Họ đành mò mẫm như người mù xem voi, chỉ biết một khía cạnh của vấn đề, chẳng rõ thấu cái toàn chu nguyên thể, cơ động tịnh của thiên cơ mật pháp chuyển xoay, âm dương hiệp nhứt, động tịnh giao hòa, pháp luân khởi động, không còn nằm yên một chỗ, phạm nhân không thể nào tri thấu bởi thiên cơ bất khả lậu.

Ở điểm này có một thiện trí thức hỏi tôi:

Động cũng như không động, tịnh cũng như không tịnh, ý nghĩa ra làm sao? nhờ thầy dạy rõ?

Người hỏi câu này tuy đến trình độ học được chơn truyền pháp đạo nhưng còn mù mờ chưa hiểu rõ được sự vận hành chơn cơ tạo hóa, sự luân chuyển của máy trời không thay đổi sanh sanh hóa hóa. Để giải rõ điều nghi vấn này ta hãy nhìn thế gian quan sát cơ động tịnh của đất trời, ngày qua đêm lại hết tối rồi sáng, vạn vật sinh sôi nảy nở, đẹp đẹp xinh xinh thật là nhiệm mầu!

Đây chính là vấn đề ta cần phải tìm hiểu để thấu rõ chỗ máu chốt tối mật bí yếu rồi lần lần mở khai hết nhờ vào cái dễ thấy dễ biết để đo lường cái không thể thấy, không thể biết tức là cái vô cùng vô

tận, bất lượng bất trí, không thể dùng ngôn từ diễn tả đặng động và tịnh của trời đất như thế nào? Để lý giải cơ động tịnh một cách thiết thực, ta hãy chú ý trái đất đang vận hành.

Nó đang xoay quanh mặt trời mà ta thấy dường như không xoay, đứng yên một chỗ rất vững vàng. Nếu ta thấy trái đất có xoay, có động thì rõ ràng với gia tốc đó sẽ bắn tung chúng ta ra ngoài không gian, còn bằng ngược lại trái đất này, đứng yên tịnh một chỗ nó sẽ rơi vào vũ trụ bao la.

Như vậy ta nhận thấy trái đất có động có xoay mà dường như không xoay không động. Động mà tịnh, tịnh mà động, phù hợp với tự nhiên không thể sai lệch một chút nào cả, chậm hay mau cũng không được, đúng độ và đồng bộ. Khi luân chuyển như thế, không trắc trở, chẳng chướng ngại, thuận hợp với chơn cơ tạo hóa, trong động có tịnh, trong tịnh có động.

Thêm một thí dụ để hiểu nữa: nơi thân xác của con người, ai ai cũng rõ biết cả, quả tim của ta đấy, bộ máy tuần hoàn vận hành liên tục. Nếu ta nghe có động bình bịch trong lòng ngực một cách rõ ràng, làm ảnh hưởng đến châu thân, ta cảm thấy khó chịu vô cùng, trường hợp này ta đã mắc phải bệnh tim. Ở tình trạng tim đập bình thường ta cảm thấy êm ru không động đậy chi cả, nhưng ta vẫn biết rằng tim mình có đập hoạt động của cơ quan tuần hoàn; bởi nó không động thật sự, ngưng nghỉ hoàn toàn, yên ở một vị trí, máu huyết không lưu thông, tất ta phải chết.

Như vậy tim của ta có động cũng như không động, không động mà động, hợp với cơ tuần hoàn nơi

thân xác của ta đúng độ của nó vận hành, không có trắc trở chi để đem máu đến các bộ phận tạo sự sống cho con người.

Theo dõi cơ động tịnh của thế gian bên ngoài đến cơ động tịnh nơi thân xác của ta thấy không sai khác, phù hợp với quy luật tự nhiên mà ta đã biết.

Việc tu hành của con người phải phù hợp với chơn cơ tạo hóa gồm có động và tịnh sẽ được chỉ dẫn ở phẩm chơn truyền để bồi dưỡng thân tâm với đầy đủ ý nghĩa của chữ tu.

"Quán thân bất tịnh" là "chơn động."

"Quán thân bất động" là "chơn tịnh."

Chơn động là sự hoạt động của thân xác này phù hợp với máy linh, đúng độ và đồng bộ để bồi dưỡng, tích lũy sức sống cho con người. Việc làm này cũng là chuyển pháp luân, khởi động bộ máy trong ta không còn yên một chỗ. Tự mình ráp nối các bộ phận nơi thân xác đúng vị trí của nó, ăn khớp với nhau, khởi động lên xuống luân chuyển, nhịp nhàng trong thời gian ấn định của công phu. Đây cũng là việc nấu cơm trời, nướng bánh phật, tạo ra thức ăn cho Như Lai để cung cấp phật thân của mình.

Động tác hành công ở vào giai đoạn sơ cơ phải dùng sức để quay máy mới chạy, sau lâu ngày tiến bộ chỉ cần bật "công tắc" âm dương hiệp máy tự động luân chuyển. Trong lúc hành công động tác các giác quan quy hồi hướng nội, mắt nhìn vào trong, tai nghe vào trong, lưỡi nếm vào trong, mũi thở chơn tức hấp hô đúng cách, không còn phóng ngại buông lung, công phu lâu qua một thời gian tâm an trí định chẳng để ý đến ngoại cảnh.

Như vậy thân động - tâm tịnh. Đến lúc thực hành chơn tịnh là tạo tác sự yên tĩnh cho cơ thể theo tư thế nhất định đúng vị trí, giúp cho sự lưu thông khí huyết phù hợp với công phu tu dưỡng chân thân, phục sinh thánh thể, để trường dưỡng tinh thần của ta. Khi thực hành chơn tịnh nằm hay ngồi tùy theo cấp bậc đạo để dẫn lưu sinh khí đến não bộ, tạo tác trí huệ, khối sáng trong ta phát quang rạng rỡ.

*"Nước hồ phải quây tưng bưng,*

*Tịnh yên lắng đọng cạn ngưng thanh phù."*

Người hành pháp tự chứng ngộ chỗ thành đạt trau luyện của mình, khi thân an tịnh lắng nghe trong đầu óc tiếng re re như ve kêu, đây là lúc dương khí chuyển hóa thành quang, mở khai não bộ, huệ tâm phát, trực giác khai, giải bày tường tận những điều thắc mắc, những cái không thể biết, không thể đo lường được thị hiện một cách rõ ràng.

Nhờ có tuệ tính khởi sinh nghe được tiếng nói vô thanh từ Đài cao xuất phát, chơn sư chỉ dạy đủ điều, nhưng thực ra chính ta nói với ta đấy! Tự ta đời Phật thật ngự trị nơi lòng, không cầu chẳng mong ta cùng Ngài hiệp một.

Ta nhận thấy lúc thân tịnh, Tâm động để phát huy tinh thần, thần quang hiển lộ, thanh tịnh sáng soi, thanh tịnh trí huệ.

Một điều đáng quan tâm khi hành công luyện pháp có người theo tư ý của mình chấp động hay tịnh riêng rẽ sẽ không thành công đắc quả gì cả.

Động mà không tịnh:

Họ cố ra sức cực thân gầy dựng lửa, nấu cơm trời, nướng bánh phật, tạo thức ăn cho như lai, nhưng



họ không được ăn, nên phật thân ốm đói, tinh thần lụn bại, thật tai hại vô cùng.

Tịnh mà không động:

Họ không nấu cơm trời, nhưng họ lại đòi ăn, điều này trái thực tế, không hợp với tự nhiên. Chân thân thánh thể bị hao mòn không được cung cấp thức ăn. Họ chỉ chấp phần âm, không có dương nên không sanh hóa. Họ muốn đốt đèn nhưng chẳng có lửa khiến cho nhà tâm u tối, yêu tinh ngự trị nơi lòng cũng bởi tu mê hành muội.

Đến đây ta nhận rõ công phu tu luyện gồm đủ: động và tịnh đúng với mây trời.

Trong động có tịnh, trong tịnh có động. Động tịnh liên hòa mới có kết quả. Khi ta hành pháp cho đến khi nào không còn thấy động, thấy tịnh làm hai, chỗ tương đối tâm trở về với tuyệt đối tánh, nhờ quán nhất, quy nhất, đặc nhất mà thành đạo.

Việc công phu tu hành không phải một sớm một chiều mà có được thành quả, nhưng do nhiều năm công phu. Đây là cả một công trình vĩ đại, lắm khó khăn, nhiều gian khổ, đổ mồ hôi, rơi nước mắt trùng trùng, nạn tai thử thách đến với người tu trên đường tìm phật thành kinh.

Bởi thành công nào không có khó khăn thì đâu có rạng rỡ vinh quang.

Con đường tu của ta đi là thế ấy!

## CHƯƠNG X

### DIỆU VI ĐẮC NGỘ CHƠN TRUYỀN ĐẠO

Qua nhiều thời kỳ biến cải, chân truyền không còn nguyên vẹn, con người làm sai lệch máy linh, chẳng thuận lẽ đạo, khiến cho việc tu hành không còn kết quả nữa. Chẳng những họ không có tồ bồi, lại còn làm cho hao hụt - tu hành lại mất đạo, xa rời sự sống, đánh mất linh quang, thế nên nhân sinh đắm chìm trong bể khổ, họ không còn phương cách nào thoát ra, cứ mãi mê trong vòng tứ khổ: danh, lợi, tình, ràng buộc-đó chính là khổ tiên thẳng-sợi dây buộc trói ông Tiên vị Phật của mình. Nhất là thời hạ ngươn mặt pháp, mỗi việc mỗi khổ cho nên chư Phật bảo rằng: cõi đời là bể khổ.

Nhờ hồng ân của Tạo Hóa bố ban, chân truyền được tái lập để cứu vớt linh căn thoát khổ trở về cực vị. Chính đây là chìa khóa duy nhất mở cửa thiên đường, cũng là thang Đạo có một, pháp lại không hai, không dành riêng cho một ai, hay một tín ngưỡng nào, nhưng lại là của chung cho mọi người, cũng như bầu không khí tất cả sinh nhân được quyền thở vẫy.

Ai có nhân duyên phúc đức mới ngộ chân truyền, pháp lành cứu cánh, giúp cho con người tồ bồi thân tâm trọn vẹn. Người mang pháp đạo vô vi là Đức Ngô Minh Chiêu, giáo chủ Cao Đài của Cơ Đạo kỳ 3.

Vào thời hạ ngươn, nhân tâm bất nhất, chiến

tranh tận diệt đưa nhân loại đến chỗ cùng khổ, do đó cần phải có phương tiện giải khổ ban vui cho đời, tạo dựng một thời kỳ tốt đẹp sau này, gồm những thánh thiện nhân hữu căn đa phúc.

Ngài khai đạo ban truyền chơn lý của Cơ Đạo kỳ 3 cứu vớt sinh linh biết đường lối tu hành phù hợp với thời đại mới. Ta hãy tìm đạo lý biểu tượng nơi Ngài.

Đức Ngô Minh Chiêu

- Ngô: ngô thân bất độ hà thân độ.

Cái thân này không độ còn độ cái thân nào nữa, đây là việc cần phải làm, đường lối chính yếu của người tu tâm pháp. Hãy trở về với cái ta để tìm đạo, học đạo, hành đạo và đắc đạo của giai đoạn tự độ tự giác, làm chủ cái ta. Từ phạm nên thánh, chúng sanh thành Phật, biến cái giả ngã phạm phu thành chơn ngã quang minh. Đây là cả một cuộc trường kỳ kháng chiến không mệt mỏi để thắng giặc vô minh nơi lòng, chuyển hóa mọi hắc ám khổ đau trở thành an vui phúc huệ, thật trọng đại vô cùng!

- Minh: Đã được chỉ rõ gồm có Nhật nguyệt kết hợp lại cũng là âm dương giao hòa. Cần khôn hiệp nhất, làm cho máy thiên chuyển động. Điều này thật khó khăn, nhân sinh khó mong thực hiện được để nối liền âm dương không còn riêng rẽ cách xa. Cũng chính là nhịp cầu thông hiệp nối liền hữu vô, nước lửa, tinh thần nơi ta. Khi có được cái chìa khóa duy nhất kết âm dương, hiệp đặng đạo, máy linh chuyển động là làm nên việc cả.

- Chiêu: là gom góp hồi hưởng, tích lũy, cũng là đường hướng tu hành, không được phóng ngoại

bông lung, làm tiêu mất bảo vật. Đây là công việc đầu tư thiết thực về kinh tế bản thân, sức khỏe và tinh thần của con người.

Tự mình làm, tự mình hưởng, làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng là lẽ đương nhiên.

Người tu khi thọ nhận chân truyền phải ra công nỗ lực, hạ thủ công phu, gầy dựng tích lũy, quý báu của chính mình: Tinh khí thần không còn hao hụt, nhờ kết âm dương chuyển pháp luân để quy hồi trở thành ngôi Tam Bảo, Phật thân hiển lộ, vóc sáng tròn đầy. Khi thực hiện công phu gom góp, chiêu mộ những hạt cát vàng rải rác trong châu thân hình thành "Kim thân bất hoại" nên Ngài có pháp danh Minh Chiêu.

Tự chiếu tự minh cho chính mình, không còn vay mượn nơi ngoại lực tha nhân, có đèn ắt sáng, sáng là thiên đường, nhà tâm rạng rỡ với ngọn đèn trời. Vô bông tháp có Xá lợi viên minh chói chan rạng rỡ. Tự soi sáng cho chính mình, một cá thể chưa đủ, cần phải soi sáng cho mọi người mới thực dụng của giai đoạn giác tha, độ tha.

Cuộc hoàng dương chánh pháp cứu độ kỳ 3 để chiếu minh thiên hạ đem an vui đến cho đời mới hoàn thành sứ mạng.

A. Phái Chiêu Minh Thành Hình.

- Chiêu: ứng dụng một cách vi diệu sáng suốt để chuyển pháp luân đúng theo đường lối vô vi, có hoàng pháp cũng như không có hoàng pháp, có độ đời như không có độ đời, nhưng lại độ đời hơn bao giờ hết, chuyển hóa nguy thành an, bỉ thành thối,

loạn thành tri, mê thành giác, chúng sanh thành phật, tôn giáo trở về với Đại Đạo, tam giáo quy nguyên, Phật thánh tiên hợp nhất, đem đến cõi đời an lạc sau này.

Gồm những thánh thiện hơn hữu căn đa phúc.

Muốn được như thế mọi sinh nhân phải thực hiện trau sửa cho phù hợp với thời đại mới, về cả thân và tâm, sức khỏe và tinh thần mới sống vui và sống khỏe, tận hưởng những gì tạo hóa đã ban cho họ trên thế gian này.

Đây là con đường sáng dẫn đến chân hạnh phúc, con người cần phải có một thân thể khỏe mạnh, tinh thần sáng suốt mới thực hiện đời sống an vui.

Với đường lối cứu khổ ban vui của cơ Đạo Kỳ 3 phổ hóa tận độ, chân truyền không còn che giấu bí mật nữa, cần phải được truyền bá rộng rãi cho nhân sinh tiếp nhận để tu thân. Họ tự tu, tự độ, tự ngộ, tự tri, tự thành phật đạo để tự giải thoát lấy.

Phát khởi nguồn sáng, triển khai đạo pháp cho nhân sinh tiếp nhận chân truyền, các vị hướng dẫn, Giáo Sư tâm pháp phải có tình thương bao rộng, như không gian bao trùm tinh tú, như đại dương chứa chỗ nằm châu và ứng dụng vi diệu - dạy người mà người không biết, dẫn dắt họ vào đường lối tu thân mà họ không hay, mới đảm đương việc truyền pháp được.

Như vậy chân truyền pháp đạo chỉ có một, tâm ấn bất di, không sai không khác, sinh nhân hữu phúc duyên thọ nhận chân truyền phải hết tâm cung kính hành trau. Vì đây là đường lối duy nhất tạo tác

ánh sáng, khởi sanh trí huệ, phục hưng kinh tế bản thân sức khỏe và tinh thần. Thật là một bảo vật vô giá!

Muốn tiếp nhận chân truyền, sinh nhân phải hội đủ điều kiện, phương tiện sẵn có để bắt tay vào việc hành trau. Chơn truyền có 3 cấp, tuy một mà 3, tuy ba mà một, tùy theo khả năng căn duyên của từng người để chọn lựa mức độ hành trau. Thấp hoặc cao rồi dần dần thăng tiến lên nữa.

#### 1. Bồi dưỡng cấp 1.

Người thực hiện phương pháp bồi dưỡng cấp 1 phải hội đủ điều kiện:

- Dùng đạm thực vật 10 ngày trong một tháng.
- Được sinh hoạt vợ chồng.

#### 2. Bồi dưỡng cấp 2.

Người thực hiện phương pháp bồi dưỡng cấp 2 phải hội đủ điều kiện:

- Dùng thường xuyên toàn thức ăn đạm thực vật.
- Được sinh hoạt vợ chồng.

#### 3. Bồi dưỡng cấp 3.

Người thực hiện phương pháp bồi dưỡng cấp 3 phải hội đủ điều kiện:

- Dùng thường xuyên thức ăn đạm thực vật.
- Không được sinh hoạt vợ chồng, "nhiên liệu" này được dùng trong việc đầu tư trí huệ, tạo tác ánh sáng đi đến chỗ viên thuần.

Con người ai cũng vậy, gồm có một "thân xác" và một cái trí theo quan điểm Đông Phương, đó là một bộ máy gồm "nhị thể" là "xác" và "hồn" ta phải biết hữu dụng nó vào mục đích cao cả đầu tư vào phát triển bản thân "sức khỏe và tinh thần" mới có lợi,

bằng không ngày tháng trôi mau thân thể tiêu hao, tinh thần kiệt quệ sẽ mất tất cả, kho báu linh chẳng còn do mình vô minh phá hoại.

Thân ta gồm Ngũ quan và tay chân nguyên vẹn, đầy đủ yếu tố vận hành là một bộ máy hoàn hảo. Một số người không may mắn bị thiếu sót một vài bộ phận như mắt kém, mũi hư, tai điếc, cụt tay hoặc cụt chân hay mang tật nguyên từ nhỏ quyết chí hành trau vẫn có kết quả nhất định, tuy không hoàn mỹ lắm nhưng có còn hơn không.

Vì vậy ta phải nương vào phương tiện sẵn có nơi mình để khởi động cái máy đang nằm yên một chỗ. Thêm vào đó nhiên liệu cung cấp rất cần thiết, tùy theo cấp bậc hành trau từ thấp đến cao, đạ thực vật nhẹ nhàng tinh ba "máy" chạy điều hòa mau, máy tốt cần có nhiên liệu thật tốt là lẽ đương nhiên.

Vì vậy người thực hành sẽ đạt kết quả theo yêu cầu ý nguyện của mình. Phần kế tiếp là "tinh thần" phải không điên loạn mới tiếp thu được sự chỉ dẫn, để thực hiện phương pháp "bồi dưỡng sức khỏe và tinh thần".

Tất cả hai phương tiện trên mặc dù nó có tiêu hao và yếu chẳng nữa sau khi thực hiện việc trau sửa sẽ được hồi phục trở lại, lâu hay mau là tùy theo sự gia công tu sửa và sự trì chí của mình ít hay nhiều.

#### B. Phương Tiện Phụ Trợ Thực Hành:

1- Một cái áo choàng màu trắng, tượng trưng cho sự thanh bạch gồm 4m vải nối với nhau thành hình vuông, ở ngay chính giữa xẻ chữ thập (+) để choàng vào cổ, công dụng của cái áo choàng này là giữ hơi ấm, ngăn không cho gió xâm nhập vào khi

hành công vận khí, mồ hôi tiết ra lỗ chân lông rất nhiều. Ngoài ra cái áo choàng này để cử động thoải mái, không cho ai bên ngoài thấy động tác trong khi thực hành cơ động tịnh.

2- Một tấm nệm nhỏ 5 tác vuông để ngồi cho êm bàn tọa và giữ hơi ấm ở phía dưới hạ chi, khi vận hành khỏi bị trở ngại, người thực hành cũng cảm thấy dễ chịu hơn.

3- Một cây đèn nhỏ, khi thực hành ta vận ngọn đèn hơi xuống, để cho vừa tầm mắt, chính là ta mượn đốm lửa này để "gom thần," "quy hướng nội tâm" mượn giả hành chơn "chơn hoả" tạo ra hơi ấm đơm nhuần.

4- Một lư hương; khi hành công vận khí nên đốt lên một nén hương để cho mùi thơm phảng phất gom thần an trụ nơi đỉnh đầu, không còn phóng ngoại buông lung nữa.

5- Một đồng hồ để biết thời giờ khi vận hành khởi động "máy linh" phải đúng giờ ấn định, không được chênh mảng giờ giấc, hoặc bỏ sót, bởi thời gian là thước đo kiên trì, chịu đựng để rèn tâm luyện trí, thân tâm quen dần, sau đó sẽ tự động đúng thời gian ấn định.

6- Một cái ghế: người hành trau tốt nhất nên ngồi trên ghế cho vững vàng, động tác thoải mái không đụng chạm vật xung quanh, như vậy tâm không bị chi phối, chân tay cử động lên xuống "ra vào" một cách nhịp nhàng đồng bộ với nhau.

Những phương tiện trên đây ít tốn kém, người thực hành có đủ để thực hiện đúng phương pháp bồi dưỡng sức khỏe và tinh thần mới đạt kết

quả khả quan.

#### C. Thời Điểm Thực Hành:

Ta phải dành sẵn cho mình thời gian nghỉ ngơi trong một ngày và phải biết lợi dụng để bồi dưỡng lại cái hao hụt năng lượng do hoạt động gây ra, nhờ dưỡng khí nuôi các tế bào đầy đủ sức sống và thải trực chất ra ngoài.

Khi sức khỏe phục hồi, tinh thần thư thái, con người cảm thấy thoải mái mới đạt hiệu năng lao động cao.

Thời gian ấn định tập luyện tùy theo cấp đạo: trong khoảng

- Sáng từ: 4 giờ đến 6 giờ
- Trưa từ: 11 giờ đến 13 giờ
- Chiều từ: 17 giờ đến 19 giờ
- Tối từ: 23 giờ đến 1 giờ

Đây là giờ nghỉ ngơi nên mọi người thực hành phương pháp bồi dưỡng sức khỏe không gặp trở ngại cho công việc làm hằng ngày. Với quyết tâm cao để phục vụ lợi ích cho bản thân về sức khỏe và tinh thần, ta cần phải cố tâm thực hành, mới ban đầu phải giữ cho đúng giờ ấn định, qua một thời gian trở thành thói quen tự động tới giờ ta biết thực hành một cách mau lẹ đúng đắn. Thực ra lúc đó "máy linh" của ta khởi động, ta phải hành công để đáp ứng sự đòi hỏi bồi dưỡng nhiên liệu dưỡng khí, là thức ăn chính yếu cũng giống như con trẻ khát sữa đòi ăn. Vì vậy người thực hành cung cấp đầy đủ được sự thoải mái và sảng khoái. Khi có một vài trường hợp bỏ sót, ta cảm thấy bứt rứt khó chịu vô cùng.

Thời gian lâu hay mau tùy theo cấp bậc cao

hay thấp của người thực hành.

#### D. Động Tác Thực Hành:

Vào đúng thời điểm ấn định trong ngày, ta phải mang áo choàng thực hành traу luyện, phải ngồi thẳng người trên ghế có nệm và tâm giữ thanh tịnh đoạn khởi sự ráp nối các bộ phận cho ăn khớp với nhau, đúng vị trí không sai lệch, từ chân tay đến đầu, dưới lên trên, nghịch chuyển về nguồn.

##### 1- Động tác chân:

Chân phải thuộc âm ta kéo vào cách bụng 5 phân, chân trái thuộc dương đặt trên chân phải ở vùng mắt cá đúng vị trí khu cảm giác kích thích bộ phận sinh dục theo hình chữ W. Động tác ở chân theo theo phương pháp bồi dưỡng này có tác dụng "phục tinh". Động tác phục tinh khác hẳn các động tác như dục làm hao tinh, rơi rớt ra ngoài. Khi tinh bị hao hụt chỉ cần hành công tinh lực phục hồi. Đây là động tác ở hạ chi để luyện tinh.

##### 2- Động tác ở tay:

Kế tiếp đến hai tay, bàn tay trái (thuộc dương) ngón cái ấn vào phía dưới cùng của ngón áp út làm thành hình vòng tròn. Đoạn ngón cái của bàn tay phải để vào vòng tròn đó như một trụ cốt có thể xoay được, những ngón của bàn tay phải nắm gọn những ngón của bàn tay trái còn lại.

Thực hiện "giao hòa ngũ khí" hiệp nhất âm dương gọi là "kiết quả". Đoạn các gu của bàn tay trái để vào chấn thủy giữ cố định, không được áp sát cũng không được đưa ra ngoài, xong rồi nhịp động tác đôi tay "ra vô" để luyện khí, ngũ khí ra vào xuất nhập đồng bộ, hấp hô đúng cách khác hẳn với cái thở

bằng miệng mũi bình thường.

Đường hơi từ dưới rún rút lên "hấp" từ dưới bao tử đưa lên cuống họng âm vang nghe "rè rè" như tiếng ngáy, hô nuốt hơi tưởng như xuống bao tử sao cho tròn vòng đều đặn, hết hơi này đến hơi khác một cách thông thả trong thời gian động tác. Với khoa học ngày nay có thể áp dụng cho việc dạy này, nhờ máy ghi tiếng thấy hình cùng một lúc, khi thực hành đạt "đường hơi hấp hô" kết quả. Chính đó là cái chìa khóa nối liền tinh thần, chiếc cầu thông hiệp "kết âm dương" tóm thâu về một mối.

Đây còn là "thức ăn" chủ yếu bồi dưỡng sức khỏe và tinh thần. Dưỡng khí phải được huân chung hâm nóng đúng cách để cung cấp mới tiêu hóa dễ dàng, không nên hấp tấp vội vàng hơi chưa nóng như cơm chưa chín ăn vào sẽ no hơi sinh bụng không tiêu.

### 3. Đầu:

Đến phần trên mặt người thực hành ngậm miệng lại, lưỡi hơi cong lên trên vòm họng, cắn chặt hai hàm răng lại, lần lượt đến hai mắt không được mở rộng, cũng không được nhắm lại, khép mắt nửa hở nửa kín, hơi sụp rèm, tưởng ngọn "đèn" xuống phải dưới rốn rồi đem ánh sáng soi rọi bên trong.

Giờ đây tất cả máu chốt của "cái máy" đã được ráp nối đúng nơi đúng chỗ, bắt đầu khởi động hai chân nhịp đều lên xuống, kích thích khu cảm giác tạo tác sinh tinh, tinh lực dồi dào, sức sống gia tăng, chất nước lạnh lẽo trước kia, do tà tinh giao cảm, nay đã được huân chung ấm áp, trong nước có sức nóng (thủy hỏa ký tế).

Người ốm yếu trước đây vì mê muội phung

phí của báu, nay đến lúc kiệt tinh, lão nhược, nhờ phương pháp bồi dưỡng này luyện tập phục hồi trở lại sức khỏe tiến tăng "phản lão hoàn đồng" dương tinh phát khởi, nguồn sống hồi sinh. Một điều đáng chú ý là nhịp động của người lớn tuổi phải phù hợp với sức lực của mình, không được thái quá hoặc bất cập, có như thế mới cảm thấy sáng khoái, thoải mái được.

Còn trẻ còn nhiên liệu nhiều hơn, cần phải có động tác mạnh, đúng độ nóng nước bốc hơi bay lên, tự động biến hóa khinh thanh thượng đỉnh nghịch chuyển về nguồn. Chính "nhịp động" hạ chi đều hòa tinh này, thiếu thì được phục hồi, dư tự biến hóa, không hao chẳng hụt tràn đầy nhựa sống khiến con người cảm thấy lâng lâng hưng phấn, yêu đời hơn.

Hai tay ở vị trí ấn định, động tác ra vô, hấp hô đúng cách, xuất nhập đồng bộ với nhau. Ngũ khí giao hoà lưu thông khắp châu thân đến các bộ phận nuôi dưỡng các tế bào, kinh mạch khai mở không còn bế tắc ngăn trệ nữa. Chính nhờ khí lực dồi dào, sức khỏe hàm dưỡng trong người làm cho các bộ phận trong châu thân hoạt động mạnh mẽ, khỏe khoắn chịu đựng dẻo dai. Nhờ có sự cung cấp đầy đủ dưỡng khí, máu đỏ gia tăng, sắc mặt hồng hào, da thịt tươi mát. Đối với não bộ, khí về óc sinh minh, khởi sinh trí tuệ, người thực hành không còn bị bứt rứt, nhức đầu vì thiếu dưỡng khí.

Đến bộ phận đầu não, trung tâm điều khiển mọi hoạt động trong châu thân, hành công "gom thần" rất quan trọng không thể thờ ơ hoặc chểnh mảng, bởi đây là sự việc chủ yếu để thấp sáng ngọn

đèn tinh thần của ta. Người thực hành phải khéo léo và cẩn thận giống như người đốt đèn "ai da" khi bơm dầu đúng mức qui định rồi, ta hãy nhẹ tay mở khóa để hơi dầu bay lên gặp lửa đốt đỏ "mãng-sông" không còn đen nữa, chừng đó ngọn đèn bùng sáng. Trong đầu ta cũng vậy, phải giữ cho an tịnh, không có một niệm đen tối, các giác quan hướng nội, soi rọi vào trong để "gom thần" tạo lửa điện, mắt nhìn vào trong, tai nghe vào trong, lưỡi nếm vào trong, bốn giác quan tiếp nhận dưỡng khí, thần khí giao hòa, âm dương hiệp hội, đèn lòng bùng sáng, thần quang tỏ rạng, trí lực dồi dào, huệ tâm phát, trực giác khai, cái sáng càng ngày càng được bồi tô thêm mãi phát huy đến cao độ, soi thông cả thấy, thấy rõ chân thật.

Trong phương pháp bồi dưỡng sức khỏe và tinh thần này vận hành các bộ phận phân ra ba giai đoạn "luyện tinh, luyện khí, luyện thần", nhưng xảy ra cùng một lúc đúng bộ và đồng bộ không sớm cũng không muộn mới hữu dụng.

Trên đây là các động tác của các bộ phận thân thể giống như "cái máy" đang vận hành. Mỗi phần đều quan trọng không thể thiếu được, lên xuống đều hòa ăn khớp với nhau, nhiên liệu đầy đủ thì "máy chạy" thoải mái không trở ngại chi cả, sẽ khởi ra diệu dụng thật không ngờ.

#### 4. Động tác xoa tán bụng:

Sau khi hành công động tác "phục tinh," vận khí," "gom thần" khoản 15 phút (hiệp 1) ta vẫn ở tư thế cũ rồi lấy tay phải ra đặt ở bụng dưới, phía bên trái, xoa theo chiều kim đồng hồ 36 vòng, lấy cái rún làm trung tâm, vòng cuối cùng ngưng ở phía dưới

phía bên phải, từ đây xoa ngược chiều kim đồng hồ 24 vòng, vòng cuối ngưng ở vị trí đầu tiên nơi bụng dưới bên trái.

#### 5. Động tác xoa vuốt mặt.

Xong rồi đến động tác xoa vuốt mặt, cái mặt phân ra làm 3 phần: ngang miệng, ngang mũi, ngang mắt. Ta bắt đầu xoa từ dưới lên trên, hai bàn tay chà thật nóng, vuốt 2 bên miệng 6 cái, sau đó chà thật nóng lại áp hai bên mũi vuốt hai bên 6 cái, sau cùng chà thật nóng áp vào mắt vuốt hai bên trán 6 cái, xong để chân trái gác lên chân phải, tay trái trên tay phải nghỉ 2 phút.

#### E. Giai Đoạn An Tịnh Để Trưởng Dưỡng Tinh Thần

Giai đoạn này gồm 3 cấp tư thế:

Ta nằm nghiêng về phía tay phải, chân trái cong lên, để trên chân phải ngay vùng mắt cá, ngón tay cái trái ấn vào ngón tay út, áp vào bàn tay phải, đoạn áp sát vào vành tai bên phải, mắt lim dim hướng về ánh đèn để gom thần 5 phút (cấp 1).

Động tác 2 hiệp tán bụng và mặt, an tịnh trưởng dưỡng tinh thần 10 phút là hoàn tất thời gian trau luyện của phương pháp bồi dưỡng cấp 2.

Đối với cấp 3 thời gian trau luyện lâu hơn sẽ do Giáo sư tâm pháp hướng dẫn sau.

\*\*\*

Người thực hành phương pháp bồi dưỡng sức khỏe và tinh thần, trải qua một thời gian trau luyện sẽ thấy rõ sự thay đổi nơi mình, từ thể xác đến tinh thần, khác hẳn trước kia. Với lối sống cũ, các năng lực ở bên trong cơ thể một kho tàng báu vật,

chưa biết tận dụng đúng mức, nay phải nhờ đến và thực hiện việc "đầu tư" thêm năng lực bản thân để sức khỏe và tinh thần gia tăng.

Ở vào giai đoạn đầu, trau luyện pháp động tác còn vụng về ngượng nghịu, tay chân không ở vị trí ấn định, ít ăn khớp với nhau, rời ra tuột xuống, quên cái này lại nhớ cái kia, không đồng nhất. Người thực hành phải hết sức kiên trì chịu đựng vất vả và để khắc phục những nhược điểm trên, cơ thể bị bãi hoại, đau nhức từng thớ thịt, gân cốt rêm hết. Họ cảm thấy dường như chịu đựng không nổi. Vạn sự khởi đầu nan, thật lắm công phu, nhiều gian khổ, nhưng vẫn phải cố gắng vượt qua mọi khó khăn của giai đoạn ban đầu. Rồi một thời gian trôi qua ta thực hành chu đáo, đúng theo phương pháp chỉ dẫn, tự ta thấy rõ sự thăng tiến, cơ thể quen dần, chân tay mềm mại, gân cốt dẻo dai không còn cứng đơ như trước nữa, các bộ phận chân và tay ráp nối đúng vị trí ăn khớp với nhau, động tác nhuần nhuyễn lên xuống, ra vô đúng độ và đồng bộ, vận chuyển đều hòa, khỏi cần quan tâm để ý tới nữa, tự động vận hành giống như các bộ phận của chiếc máy đang hoạt động trơn tru.

Các động tác bên ngoài tuy khó nhưng dễ học, nhìn thấy ta có thể tập dợt một thời gian sẽ trở nên thuần thục, không còn là điều khó khăn nữa. Bởi "hữu vi hữu tác" dễ thấy dễ biết nên dễ thực hiện. Nhưng có một vấn đề tối ư quan trọng là đường hấp hô, hơi thở này thuộc vô vi, vô ảnh không thể sờ mó, chẳng có nơi sách vở, nhờ đến chỉ dẫn của thầy mới thông suốt.

Lúc đầu ta cảm thấy khó khăn không thể

thực hành đường hơi như thế nào cho đúng, không tìm ra mối, hơi thở chưa thông, tức ngực, ngạt mình, khô cổ họng. Nhưng với sự kiên trì luyện tập bền tâm thực hành đúng y như phương pháp khí huyết sẽ lưu thông kinh mạch khai mở, đường hơi không còn bế tắc như trước nữa, ta có thể thực hiện một cách dễ dàng và cảm thấy thoải mái, mỗi thời tập luyện đều gặt hái kết quả khả quan. Đây chính là kinh nghiệm quý báu với biết bao công trình gian khổ tập luyện nghiên cứu mới đúc kết nên. Người thực hành lâu, mỗi khi tập luyện rất thích thú và sảng khoái lạ thường. Một đôi khi đến giờ hành công vận khí không thể thực hiện được, họ cảm thấy dường như thiếu sót một cái gì, trong người bứt rứt, bức bối, ngạt mình uể oải. Thật ra ngay từ thời điểm này, mỗi tế bào trong châu thân cần một lượng dưỡng khí nhất định, do thiếu lại không cung cấp kịp thời nên mới có tình trạng trên. Qua một thời gian tập luyện chu đáo, siêng năng bồi dưỡng cơ thể thay đổi tinh lực dồi dào, khí lực mạnh mẽ, sức khỏe gia tăng, lên cân, da thịt hồng hào, mịn màng tươi mát, trong người tràn đầy nhựa sống ta cảm thấy hoan lạc yêu đời.

Thể xác thay đổi tốt đẹp, tinh thần từ đó cũng thay đổi.

Tinh thần minh mẫn trong một cơ thể cường tráng.

Do "bảo tinh" đúng phương pháp ta biến nhiên liệu này, thăng thượng thành ánh sáng, thần tinh giao hòa, phát huy tỏ rạng. Ngọn đèn tinh thần soi tỏ nhà tâm, cải tạo giáo hóa một Xã Hội băng hoại nơi lòng thành ra thiện lương trong lành, với hết ác



tâm, từ tâm chất chứa, chuyển mê thành giác, lòng trong ánh sáng, thần quang rực rỡ, không còn mờ lu u tối nữa. Tinh thần vững mạnh, thần lực sung thiệm, ta cảm thấy an nhiên điềm đạm, vui vẻ lạ thường không còn bứt rứt, bức bối não phiền nơi tâm, có thể coi đây là liều thuốc "giải sầu" đem đến cõi lòng hưng phấn yêu đời. Tinh thần cởi mở thể hiện tình thương yêu mọi người một cách chân thật. Đèn tinh thần minh chiếu đạt tới thật trí của trí tuệ, thấy biết tất cả và có tất cả. Đây là sự sống và sự sáng nơi ta, ta sẵn có trí tuệ ứng dụng bất cứ lúc nào, khi ta cần đến, thể dụng tương đồng, ngoài trong như nhất, có đèn ắt sáng, không đèn ắt tối, sáng là an vui, tối là đau khổ.

Có được như vậy là nhờ ngọn đèn tinh thần của ta bùng sáng, phát huy đến cao độ và được bồi dưỡng đúng mức, chiếu minh cho mình và cho mọi người. Tự hành tự đạt, gieo nhân đến hồi gặt quả, tự ta ra công chuyển động chiếc máy, tạo tác trí tuệ, giúp ích cho nhân loại.

Con đường sáng dẫn mọi người đến hạnh phúc chân thật, thành quả này tưởng thưởng cho những ai hữu phúc, gắng công thực hiện, tự trau sửa mình thành "con người tân tiến, trí tuệ" của thời đại bước vào kỷ nguyên mới gồm cả văn minh vật chất và tinh thần.

Muốn có được thành quả như trên, người thực hành phải nhất tâm tin tưởng và hành đúng phương pháp đã chỉ dẫn, nhất là không canh cãi, hành sai trái nguyên tắc sẽ gây trở ngại. Lợi ích của phương pháp là bồi dưỡng sức khỏe và tinh thần rất thiết thực cho con người. Nhất là hiện nay, môi

trường bị ô nhiễm nặng, gây nên nhiều bệnh tật mà các loại thuốc chữa trị còn hạn chế. Phương pháp bồi dưỡng này còn góp phần giải trừ độc chất do thức ăn uống trong cơ thể chúng ta, làm cơ thể thích ứng với môi trường sống, tạo ra sức đề kháng, chống lại bệnh tật, nhờ có sức khỏe dồi dào, chịu đựng dẻo dai làm việc với năng suất lao động cao. Người làm việc nặng nhọc chỉ cần vận hành trong một thời gian nhất định sức khỏe hồi phục lại ngay, các nhà doanh thương chính trị, kinh tế gia, trước hàng khối công việc, bận tâm rối trí, nhờ có phương pháp bồi dưỡng này họ giải quyết mọi vấn đề một cách lẹ làng sáng suốt hữu hiệu.

Với các bậc cha mẹ trẻ thực hành phương pháp bồi dưỡng (cấp I và II) sức khỏe dồi dào hơn, tinh thần minh mẫn, tâm trí bao rộng, sẽ tạo ra những người con ưu tú đầy thông minh, tiếp thu mọi sáng kiến mới dễ dàng phù hợp với trào lưu tiến bộ khoa học.

Con người tân tiến đầy đủ trí tuệ mới xây dựng xã hội tốt đẹp sau này.

## CHƯƠNG XI

### PHÁP NHIỆM THOÁT TRẦN TỰ TÁNH MINH

Thế nhân thường quan niệm đời là khổ, thế gian là chỗ bùn nhơ, làm lầm lem con người, tâm trí bị nhiễm trước ô trược, mất đi cái tinh anh trinh bạch, không còn thuần lương thiện mỹ, do đó họ sợ cảnh trần này lắm.

Họ oán ghét cõi đời cho là bể khổ, chỗ ngục tù, lửa lò thiêu đốt, khiến họ oằn oại đau thương

"Khổ hải vạn trùng ba" từ lượn sóng này đến lượn sóng khác dồn dập, mắc tình thế nhân rên la thảm thiết, một số người không chịu đựng nổi phải hủy bỏ sự sống để lìa đời.

Họ trách cứ đáng hóa công cho rằng ông quá độc ác. Bởi ông có đủ quyền năng tạo ra con người, tại sao ông lại không thể ban cho họ một đời sống an vui?

Thế nhân quá đau khổ vì hấp lực tình, tiền, danh, lợi, lôi cuốn khiến họ lao vào dòng đời trôi nổi trên bể ái nguồn ân, họ không có mục tiêu, chẳng có định hướng cho cuộc sống, họ đành phó mặc cho định mệnh rủi may đưa đẩy, nhất là thời hạ ngươn mặt pháp này, đạo đức suy vi, nhân tâm bất nhất, con người phải đua chen theo vật chất, đánh mất linh quang, càng văn minh lại càng đau khổ. Họ dùng thế gian chi pháp đối xử với nhau vay trả, trả vay liên liền - nhân tranh đấu họ nhận lãnh quả đấu tranh, tạo

ra oan nghiệp, hận thù chồng chất.

Văn minh vật chất, chiến tranh tận diệt.

Họ giết hại lẫn nhau đưa nhân loại đến chỗ diệt vong, trong khi đó họ lại bất lực trước hoàn cảnh, chẳng còn tin vào khả năng sẵn có nơi mình, nên họ chỉ ao ước nguyện cầu: vào Trời Phật hoặc ngoại lực tha nhân đến giải trừ khổ nạn do họ gây ra.

Những việc làm này không thiết thực, chẳng đem đến kết quả chi, do đó họ càng đau khổ thêm.

Người giác ngộ hiểu rõ chốn trần gian là bể khổ, chỗ tốt nhất, môi trường thuận lợi giúp cho họ phát triển tâm linh, thực hành chơn đạo.

Họ chấp nhận cõi đời, chịu đựng thử thách, đương đầu gian nguy. Họ coi đây là nguồn cung cấp dưỡng nuôi, vô phân tưới nước không thể thiếu được, để giúp cho cây Bồ đề mau lớn cội, đâm nhánh, đơm hoa, kết quả, đắc thành pháp đạo, tinh thần sáng suốt, trí lực dồi dào.

*Cội phiền não trở bông cực lạc,*

*Nguồn thất tình bờ tát hiện thân.*

Một điều nhân sinh thắc mắc hiện nay, làm thế nào để giải khổ đây?

Ta đi ngay vào nguồn cội của cái khổ để giải quyết vấn đề thông suốt, minh bạch, rồi tìm ra phương cách chữa trị hữu hiệu.

Đây là liều thuốc giải khổ cho nhân loại, đem an vui đến cho đời, con người tự gây đau khổ nên chỉ có con người tự giải khổ đấy thôi!

Tự ta gây khổ, tự ta giải khổ là nhiệm vụ thiết thực nhất trong sứ mạng tự cứu khổ ban vui cho chính mình.

Nguồn gốc của đau khổ là tham vọng. Con người đối diện với đời, trước hấp lực của muôn ngàn cảnh sắc, họ động lòng ham muốn dẫn tới hành động để thỏa mãn tham vọng, khiến tâm khí phát khởi, biến lòng dấy động, nội tâm không còn yên tịnh nữa, dù họ cố sức trấn áp cách mấy cũng không có hiệu quả.

Nếu muốn được trạng thái bình thản, như nhiên, ta phải biết phép ngừng gió, uống định phong đơn vào, sóng lặng ngay, biến lòng trang bằng phẳng lặng trở về bản thể thanh tịnh của tự tâm.

Nhân sinh phải cần nhờ đến thần phương cứu khổ: "Phương pháp bồi dưỡng sức khỏe và tinh thần"

Với phương pháp này con người tự tạo cho mình một thân thể khỏe mạnh, sức sống tràn đầy, chịu đựng dẻo dai, có sức đề kháng cao, chống lại bệnh tật gây ra do khí hậu bất hòa, âm dương không cân đối, môi trường bị ô nhiễm.

Với chân khí tiềm tàng trong cơ thể, sức khỏe gia tăng, da thịt hồng hào, nhờ bồi dưỡng và bảo vệ cơ thể đúng mức, mới sống trường thọ và hạnh phúc trên thế gian.

Về mặt tinh thần thế nhân bị ngoại cảnh chi phối, tâm thần không ổn định, thất tình buộc ràng, lục đục cư mang làm mất hết điểm quang, đời sống tâm linh u tối khiến họ cực kỳ đau khổ.

Nhờ phương pháp này họ trau sửa phục tinh, dưỡng khí, tồn thần, ngọn đèn tâm đủ đầy nhiên liệu phát quang rạng rỡ, chuyển mê thành giác, thấy biết chân thật, giải quyết mọi vấn đề một cách thông suốt,

thuận hợp thích nghi trong cuộc sống.

Nhất là họ làm chủ được cái tâm, thắng phục được cái trí không để vật chất phủ lấp tâm linh, thú tánh sai khiến mình. Tất cả được chuyển hóa không còn trở ngại làm nguy hại đến chơn thân thánh thể. Có được như vậy đời sống càng văn minh, đủ đầy vật chất con người tân tiến với tâm minh điều khiển, sử dụng thuận lợi đời sống hạnh phúc thêm lên.

Chính đây là con đường sáng đưa nhân loại tìm đến hạnh phúc chân thật, không còn là điều ước mơ nay trở thành hiện thực.

May mắn thay tạo hóa đã dành sẵn cho nhân loại đủ đầy vật chất, cảnh đời hoa mỹ để cho họ tận hưởng an vui, không còn sự khổ, có như thế đời đáng yêu và đáng sống.

Sự an vui của con người không phải tự nhiên có sẵn hoặc cầu khẩn van xin mà phải do họ thực hiện việc trau sửa từ mỗi người đến mọi người. Tự giải khổ ban vui cho chính mình mới biến thế gian là niết bàn và thiên đàng dành cho các nhân sinh hữu căn đa phúc.

Với đường lối đem an vui cho đời, thế gian không còn là bể khổ, để thực hiện một cõi đời an lạc trong lành, nhân sinh trường thọ, tận hưởng những gì tạo hóa đã ban cho, người chủ xưởng là đức Di Lạc cũng còn gọi là Đương Lai Hạ Sinh Di Lạc Tôn Phật. Long hoa giáo chủ, Chương Giáo Thiên Tôn, thánh kinh cho biết là Đấng An Ủi.

Trong cõi đời này, hiện có một vị Giáo Chủ thực hiện ban vui cứu khổ cho đời, nhưng ngài không lộ diện, chẳng một ai thấu rõ tông, tích bởi vì ngài tu

không để người ta biết mình tu mới thật là tu. Thành đạo cũng không cho người ta biết mình thành đạo mới thật là thành đạo.

Ngài hòa nhập với đời để độ đời mà đời không hay biết thì sự cứu độ đó mới thành công trọn vẹn. Với đường lối đưa đạo vào đời một cách vi diệu, trong đời có đạo, đạo đời hiệp nhất, nhân loại này mới hết khổ đau.

Tất cả kinh sách đều nói đến vị Giáo chủ này nhưng thế nhân chỉ biết qua hình tượng tôn thờ. Ta hãy tìm đạo lý ẩn tàng trong hình tượng, biểu tượng của đạo thì việc tôn thờ mới có giá trị, thấm nhuần lợi ích, còn chấp tướng, trụ vật lại sa vào đường mê tín, dị đoan, khó nhận ra diệu lý.

Quan sát tượng hình Đức Di Lạc ta thấy Ngài sức khỏe dồi dào, tinh thần vui vẻ, nơi Ngài thanh thoát an bình.

Ngài không còn bị ràng buộc trong hình thức tu hành, chẳng cần đến vẻ oai nghi chễm chệ trong phong cách ngồi thiền, nhưng lại độ dẫn quần sanh thiết thực, áo của Ngài mặc không mang màu sắc của tôn giáo, nhưng lại là đạo y kiên cố, che chở cho Phật thân.

Chân mặt thuộc âm: tượng trưng cho đời, phải kéo vào đó là tư thế hành pháp, tay mặt nắm chặt đạo y, điều này cho biết đời sống hằng ngày muốn đạt được sự an vui cần phải hành pháp, không rời đạo y, giữ gìn chân thân của mình chẳng phung phí hết tam bửu, nhưng lại lo gầy dựng kinh tế bản thân, sức khỏe dồi dào, không bị ốm đau mới sống vui sống khỏe nơi thế trần.

Chân trái thuộc dương: tượng trưng cho đạo, chống lên ở tư thế khởi động, tay trái nắm chặt tràng hạt mâu ni, tượng trưng đời sống tâm linh, tự hữu hằng hữu trí huệ phát khởi, thấy chân biết thật soi sáng cả thảy.

Thân tâm sung mãn đầy sức sống nhờ trau luyện và thành đạt.

Phản bưng và ngực.

Con người luôn luôn che đậy giấu diếm cõi lòng của mình, kín trong rồi lại kín ngoài, thế mà Ngài lại cởi trần phô lộ ra cho mọi người chiêm ngưỡng đường hướng, phương cách có được tinh đầy khí đủ. Vì vậy thời hạ ngươn mặt pháp chân truyền bí pháp không còn che giấu bí mật nữa, cần phải được phô trương bày tỏ cho nhân sinh hiểu rõ để thực hiện việc tu hành cho có kết quả. Đúng theo lẽ công bằng, ra công bao nhiêu hưởng quả bấy nhiêu.

Điều này nói lên đường lối thiết thực, tu thân chơn chính, không còn nằm ở khuôn khổ, qui ước từ trước đến nay. Tu không còn thấy là tu mới thật là tu, tự hành tự đạt, thành tựu đúng như yêu cầu sở nguyện của mình.

Đến phần bát nhã.

Biểu tượng Di Lạc từ mắt, tai, mũi, miệng, đều mang hạnh đức của Di Lạc.

Mắt hiền từ phát quang.

Tai dài trường thọ.

Mũi to sức sống dồi dào.

Miệng với nụ cười tượng trưng người đã không còn khổ, Ngài biến cảnh khổ thành an vui, đó là thần phương diệt khổ. Tự cứu khổ ban vui cho chính mình,

dời chơn thường lạc vào tâm, lúc nào cũng an vui thư thái, thể hiện xuân tâm bất tận.

Tự cứu khổ ban vui cho chính mình chưa đủ, cần phải cứu khổ ban vui cho mọi người thực hiện sứ mệnh.

Di Lạc cho đời, Chiếu Minh thiên hạ.

Đây là tông chỉ, đường lối của "cơ đạo kỳ ba" cứu độ chúng sinh, chuyển hóa Hạ ngươn "mạt pháp" sang Thượng ngươn thánh đức.

Đạo cứu đời, đời có đạo sáng soi, thế gian không còn sự khổ.

## THAY LỜI KẾT

Nhân sinh giác ngộ thấy rõ đường lối tu thân chân chính là trở về thân tâm để lo gây dựng, tô bồi là điều thiết thực nhất, nhờ thấu triệt chỗ hữu, tri tường chỗ vô, thông đạt cả hữu vô là rõ thông cả thấy. Đạo lý thị hiện không còn che giấu, tất cả cái không thể biết, không để đo lường, tức cái vô cùng vô tận, ta cũng có thể cảm nhận một cách rõ ràng.

Giờ nay Lục tự Di Đà tỏ rõ cái máy linh màu nhiệm giúp cho nhân sinh tầm tri học hiểu chỗ tối diệu tối linh, đó là tự tri nhưng rồi phải tự hành để tự thành đạt lấy mới có giá trị thực dụng. Còn học hiểu để đi truyền bá khoe khoang, tỏ cho mình là người kiến văn rộng rãi, nhưng không chịu thực hành thì chẳng có lợi ích chi, trở nên vô dụng.

Ngoài ra hành không tri thì thật là nguy hiểm, không biết được việc làm của mình như thế nào? thành quả ra sao? phó mặc cho định mệnh rủi may, đưa đẩy, khác nào kẻ mù không biết mục tiêu, chẳng định hướng được cứ lầm lũi tiến bước sẽ rơi hầm sụp hố còn đâu mạng sống! Vì vậy điều quan trọng là tri phải hiểu cho thấu đáo rồi bắt tay vào việc làm là hành. Trong hành có tri, trong tri có hành, hành tri sẽ dẫn đến thành tựu tốt đẹp.

Ta có định hướng rõ ràng sáng suốt, phương tiện hữu hiệu, mới thực hiện cuộc hành trình từ mê đến giác, chúng sanh thành Phật, tự niệm Phật, cầu phật đắc Phật do ta hoàn thành, cũng là niệm Di Đà

diệu pháp chánh chơn, rất thực tế không còn nằm trong ảo tưởng.

Tự tu, tự độ, tự ngộ, tự tri, tự thành phật đạo để tự giải thoát lấy, từ mỗi người đến mọi người trong nhiệm vụ giải khổ.

Tự cứu khổ ban vui cho chính mình chưa đủ phải cứu khổ ban vui cho mọi người, hoàn thành sứ mạng:

Di Lạc cho đời, Chiếu Minh thiên hạ.

Kiến tạo con người mới gồm đủ hữu vô sức khỏe dồi dào, tinh thần sáng suốt, thực hiện đời sống an vui nơi thế trần, phù hợp với thời đại mới:

Văn Minh, vật chất lẫn tinh thần.

## MỤC LỤC

LỜI TỰA .....	004
CHƯƠNG I	
Lời Kinh Dẫn Nhập .....	007
CHƯƠNG II	
Phương Tiện Tiến Hành Đạo Pháp .....	023
CHƯƠNG III	
Di Đà Thần Chú .....	039
CHƯƠNG IV	
Nam - Ấy Nam Phương Lửa Bính Đỉnh .....	046
CHƯƠNG V	
Mô - Là Chỉ Rõ Vật Vô Hình .....	049
CHƯƠNG VI	
A - Gồm Nhâm Thủy An Nơi Thận .....	052
CHƯƠNG VII	
Di - Giữ Chặt Bền Ba Báu Linh .....	055
CHƯƠNG VIII	
Đà - Sáng Sắc Vàng Tròn Khắp Cả .....	065
CHƯƠNG IX	
Phật - Hay Thanh Tịnh Ở Nơi Minh .....	073
CHƯƠNG X	
Diệu Vi Đắc Ngộ Chơn Truyền Đạo .....	081
CHƯƠNG XI	
Pháp Nhiệm Thoát Trần Tự Tánh Minh .....	098
THAY LỜI KẾT .....	105